



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên) – TRẦN LÊ DUY
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN NGŨ VĂN



Các từ viết tắt

Học sinh	HS
Chương trình giáo dục phổ thông	CTGDPT
Giáo viên	GV
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	NXBGDVN
Sách giáo khoa	SGK
Văn bản	VB

Chân trời sáng tạo

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. Giới thiệu sách giáo khoa môn Ngữ văn	5
2. Phân tích cấu trúc sách và cấu trúc bài học	10
3. Phương pháp dạy học/ tổ chức hoạt động	25
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn	36
5. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của NXBGDVN.....	38
6. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	41
7. Một số lưu ý khi lập kế hoạch dạy học môn Ngữ văn	42
 PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	44
1. Yêu cầu cần đạt	44
2. Phương pháp và phương tiện dạy học	44
3. Tổ chức các hoạt động học	45
 PHẦN BA: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ SÁCH BỔ TRỢ	64
1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên.....	64
2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo của NXBGDVN	65



PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN NGỮ VĂN 6

1.1. Quan điểm biên soạn

Sách *Ngữ văn* bộ *Chân trời sáng tạo* nói chung, sách *Ngữ văn 6* nói riêng được biên soạn dựa trên các quan điểm:

– Quan điểm tích hợp thể hiện qua việc dạy các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy đọc hiểu văn bản với dạy Tiếng Việt; tích hợp viết và Tiếng Việt.

– Quan điểm học thông qua trải nghiệm và kiến tạo tri thức: thể hiện qua việc thiết kế các hoạt động hướng dẫn học sinh quan sát, làm, tương tác, suy ngẫm, rút kinh nghiệm để từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân.

– Các quan điểm hiện đại về đọc, viết, nói và nghe: các quan điểm này xem đọc là quá trình tương tác giữa người đọc – VB, giữa người đọc – người đọc (HS, GV), là quá trình giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB; viết là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm, mỗi kiểu VB có những mục tiêu giao tiếp nhất định, những yêu cầu cụ thể về hình thức, nội dung như: giọng điệu, ngôn từ, ..., nói – nghe thể hiện sự hiểu biết về các phương tiện ngôn ngữ, các hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ, độ nhạy bén trong giao tiếp phù hợp với từng hoàn cảnh.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa

1.2.1. Học hỏi kinh nghiệm sách giáo khoa quốc tế

Quá trình biên soạn SGK *Ngữ văn 6*, nhóm tác giả đã học hỏi kinh nghiệm biên soạn SGK của một số nước phát triển, đặc biệt là của Mỹ. Đó là:

– Thiết kế các nhiệm vụ học tập dựa trên các yêu cầu cần đạt (chuẩn năng lực) mà chương trình đề ra.

– Thiết kế các chủ điểm học tập gắn với đặc điểm tâm lí, lứa tuổi của HS.

– Tích hợp các hoạt động đọc, viết, nói – nghe và thực hành tiếng Việt.

– Dạy kĩ năng thông qua dạy kiến thức.

1.2.2. Kế thừa sách giáo khoa hiện hành

Ngữ văn 6, bộ *Chân trời sáng tạo* kế thừa những điểm tích cực của SGK *Ngữ văn 6* hiện hành. Đó là:

- Quan điểm tích hợp, cụ thể là tích hợp đọc với tiếng Việt, đọc hiểu theo thể loại.
- Sử dụng tối đa các VB có giá trị trong SGK *Ngữ văn 6* hiện hành.

1.2.3. Những điểm mới nổi bật của sách giáo khoa *Ngữ văn 6*

So với SGK hiện hành, SGK *Ngữ văn 6*, bộ Chân trời sáng tạo, có nhiều điểm mới về yêu cầu cần đạt, tính tích hợp, nội dung dạy học theo chủ điểm, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

1.2.3.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của từng bài học trong SGK được thiết kế dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà Chương trình giáo dục phổ thông và CTGDPT môn *Ngữ văn* (Bộ GD&ĐT, 2018) đã đề ra.

Mục tiêu của từng bài học có các vai trò: (1) định hướng kết quả mà người biên soạn sách cần bám vào để giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt sau khi học xong mỗi bài học; (2) là căn cứ để đánh giá HS; (3) là căn cứ để GV thực hiện các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học sao cho giúp HS đạt được yêu cầu.

1.2.3.2. Tích hợp

Quan điểm tích hợp được thể hiện trên nhiều mặt: tích hợp chủ điểm và thể loại, tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe và tích hợp đọc, viết với tiếng Việt.

Tích hợp các VB đọc theo chủ điểm và thể loại nhằm mục đích giúp HS không chỉ học về thể loại mà còn học cách nhận biết thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân. Điều này làm cho nội dung học tập hứng thú hơn (xem bảng thống kê dưới đây):

Tập một		Tập hai	
<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	TRUYỆN THUYẾT	<i>Điểm tựa tinh thần</i>	TRUYỆN
<i>Miền cổ tích</i>	CỔ TÍCH	<i>Gia đình thương yêu</i>	THƠ
<i>Vẻ đẹp quê hương</i>	THƠ (LỤC BÁT)	<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	VB NGHỊ LUẬN
<i>Những trải nghiệm trong đời</i>	ĐỒNG THOẠI	<i>Nuôi dưỡng tâm hồn</i>	TRUYỆN
<i>Trò chuyện cùng thiên nhiên</i>	HỒI KÍ	<i>Mẹ Thiên Nhiên</i>	VB THÔNG TIN

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói nghe được thể hiện ở tất cả các bài học ở những mức độ khác nhau. Ví dụ dưới đây thể hiện rõ điều này (tr. 7, tập một):

BÀI 2: MIỀN CỔ TÍCH	37
ĐỌC	37
Sọ Dừa (Truyện dân gian Việt Nam).....	39
Em bé thông minh (Truyện dân gian Việt Nam)	42
Chuyện cổ nước mình (Lâm Thị Mỹ Dạ)	46
Thực hành tiếng Việt	48
Non-bu và Heng-bu (Truyện dân gian Hàn Quốc).....	49
VIẾT	52
Kể lại một truyện cổ tích	52
NÓI VÀ NGHE	56
Kể lại một truyện cổ tích	56
Ôn tập	58

Mục đích của việc tích hợp đọc và viết cùng kiểu loại VB là giúp HS có thể vận dụng những hiểu biết về kiểu VB (hình thức thể hiện và phong cách ngôn ngữ) mà HS đã học trong giờ đọc hiểu để tạo lập VB cùng kiểu. Mục đích của việc dạy kĩ năng nói – nghe gắn với kĩ năng viết là tạo cơ hội cho HS chia sẻ những gì đã viết, đồng thời phát triển năng lực giao tiếp ở cả hai hình thức nói và viết; đồng thời để HS nhận ra mặc dù nói và viết đều là những kĩ năng thuộc về quá trình tạo lập VB nhưng không hoàn toàn giống nhau.

Tích hợp đọc và Tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức tiếng Việt được đưa vào bài học phụ thuộc vào việc VB đọc có chứa tri thức tiếng Việt đó hay không, nhằm giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn. Tích hợp viết và Tiếng Việt được thể hiện qua việc thiết kế những bài tập viết ngắn. Trong quá trình tạo lập những đoạn viết ngắn, HS được yêu cầu vận dụng những hiện tượng ngôn ngữ đã được học ở phần Tiếng Việt vào. Điều đó tạo cho HS cơ hội vận dụng các kiến thức tiếng Việt vào sử dụng trong thực tế.

1.2.3.3. Các tri thức nền trong sách giáo khoa

Các tri thức (bao gồm kiến thức, kĩ năng) trong *Ngữ văn 6* được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 6 mà CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018 đã đề ra. Tri thức về văn học được trình bày ngắn gọn trong mục *Tri thức đọc hiểu*. Đó là những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại nằm ngoài chương trình. Trong SGK *Ngữ văn 6*, các thông tin về tác giả, tác phẩm được đóng khung, trình bày sau các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi, không trình bày trước VB như SGK hiện hành. Các thông tin này có tính chất tham khảo, không phải là tri thức bắt buộc HS phải học trên lớp hoặc được dùng để kiểm tra khả năng học thuộc lòng của HS.

Tri thức về tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức tiếng Việt*, là những tri thức mà chương trình yêu cầu. Các tri thức này được dạy gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn.

Tri thức về kiểu bài, gồm: định nghĩa về kiểu bài và các đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài (được đóng khung). Đây là những tri thức công cụ để HS không chỉ hiểu được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với đặc điểm kiểu bài.

VB mẫu trong bài học được hiểu như là một mô hình trực quan. Ở đó hội đủ những đặc điểm chính về nội dung lẫn hình thức của kiểu VB mà HS cần tạo lập đồng thời vừa tầm với HS, giúp HS nhận thấy là mình có thể học được và có thể tạo lập được VB tương tự về kiểu bài với những đề tài khác nhau. Điều này hoàn toàn khác với việc GV cho HS bài mẫu và HS chép văn mẫu. Chức năng của mẫu là để HS học cách làm chứ không phải là mẫu để sao chép nội dung.

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm hai mảng: (1) cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể; (2) kĩ năng giao tiếp nói chung, gồm kĩ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đối với mảng thứ nhất, cách nói/ trình bày về một kiểu bài thường gắn với kiểu bài viết mà HS đã học và đã viết. Đối với kĩ năng giao tiếp, ở từng bài, HS đều được học về kĩ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đây là những kĩ năng mềm mà HS có thể sử dụng khi nói hoặc thuyết trình về bất cứ đề tài nào. Vì thế, các kĩ năng này được tập trung trình bày trong bài 1 *Lắng nghe lịch sử nước mình*. Khi nói hoặc trình bày các kiểu bài khác, HS thực hiện dựa vào những gợi ý trong bài này.

1.2.4. Các nhiệm vụ học tập

Điểm mới của các nhiệm vụ học tập trong SGK Ngữ văn 6 là:

- Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức, không cung cấp kiến thức có sẵn cũng không “mớm” kiến thức cho HS.

- Bám sát các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.

- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 6.

1.2.4.1. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc, hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.

- Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo kiểu loại VB đã được xác định trong chương trình.

- Được thiết kế theo ba giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng văn bản*, *Suy ngẫm và phản hồi*. Chức năng của nhóm câu *chuẩn bị đọc* là:



(1) Tạo tâm thế, hứng thú cho HS.

(2) Khơi gợi kiến thức nền của HS, giúp HS sử dụng kiến thức nền để tham gia vào VB.

(3) Phát triển kĩ năng đọc lướt để cảm nhận bước đầu về nội dung VB, kĩ năng dự đoán về nội dung có thể có của VB.

Chức năng của nhóm câu hỏi trải nghiệm cùng văn bản là:

(1) Hướng dẫn HS thực hiện các kĩ năng đọc mà bất cứ người đọc nào cũng phải sử dụng trong quá trình đọc, đó là liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, dự đoán,...

(2) Giúp HS đọc chậm, đôi lúc tạm dừng để suy ngẫm về một số chi tiết quan trọng trong VB, từ đó, tự kiểm soát việc hiểu của mình.

(3) Kích hoạt, huy động kiến thức nền của HS vào việc hiểu VB.

(4) Giúp HS đọc hiểu các yếu tố bộ phận của VB, chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho việc hiểu chỉnh thể VB sau khi đọc.

Chức năng của nhóm câu hỏi *suy ngẫm và phản hồi* là:

(1) Hướng dẫn HS nhận biết các chi tiết trên bề mặt VB: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật, sau đó, giải mã, tạo nghĩa cho các chi tiết đó cũng như tác dụng của các chi tiết nghệ thuật.

(2) Giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa các chi tiết trong tính chỉnh thể của VB, vai trò của các thành tố trong VB đối với việc thể hiện chủ điểm VB.

(3) Hướng dẫn HS liên hệ những gì đã đọc với kinh nghiệm và kiến thức nền của chính các em, liên hệ với các VB khác và với cuộc sống để từ đó không chỉ hiểu VB mà còn hiểu những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, hiểu bản thân, rút ra được bài học cho bản thân.

(4) Tiếp tục hình thành và phát triển các kĩ năng đọc hiểu VB: dự đoán, kiểm soát cách hiểu của mình khi đối chiếu với những dự đoán trước đó, suy luận, tưởng tượng, phân tích, đánh giá, liên hệ,...

(5) Giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học.

– Hướng dẫn đọc mở rộng: những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS vận dụng những tri thức về thể loại VB vào đọc VB cùng thể loại.

1.2.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu về kiến thức tiếng Việt của chương trình lớp 6.

– Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.

– Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

1.2.4.3. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

– Yêu cầu HS viết đoạn văn nhằm phát triển kĩ năng viết đoạn, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, liên hệ, vận dụng,...

– Vận dụng kiến thức về tiếng Việt và hiểu biết về văn bản đã đọc vào viết đoạn.

1.2.3.4. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Viết

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về viết mà chương trình đã đề ra.

– Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu để học cách tạo lập kiểu VB tương tự.

– Hướng dẫn HS quy trình viết qua việc thực hành viết một bài, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing).

– Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).

– Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).

1.2.4.5. Đặc điểm các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

– Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe đọc mà chương trình đã đề ra.

– Hướng dẫn HS cách nói dựa trên một đề bài cụ thể để HS có cơ hội học kĩ năng nói, nghe và nói nghe tương tác.

– Tích hợp với viết (trong phần lớn các bài) để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói.

– Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).

1.2.4.6. Các bảng tra cứu và hướng dẫn

Một điểm mới khác của *Ngữ văn 6* là có bảng Hướng dẫn kĩ năng đọc để giúp HS hiểu nội hàm, tác dụng của các kĩ năng đọc, từ đó biết cách đọc (tr. 136, tập một).

BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG ĐỌC

Đọc là cách thu nhận thông tin, khám phá ý tưởng của người khác, đồng thời học cách tư duy, cách giao tiếp hiệu quả, qua đó, làm giàu tâm hồn mình. Những kĩ năng đọc mà người đọc thường xuyên sử dụng trong khi đọc là:

Kĩ năng đọc	Chỉ dẫn	Tác dụng
-------------	---------	----------

Ngoài ra, sách còn có bảng tra cứu thuật ngữ và bảng tra cứu tên tiếng nước ngoài, giúp HS dễ dàng tra những thuật ngữ đã học cũng như các tên tiếng nước ngoài (tr. 138, 139, tập một).

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Trang
A	Ẩn dụ	111
C	Chủ đề	38
	Cốt truyện	18
	Cụm từ	82

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
H	Heung Bu	Heng-bu	49
L	Luang Phrabang	Luông-phơ-ra-băng	65

2. PHÂN TÍCH SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Ma trận nội dung và yêu cầu cần đạt

Nội dung và các hoạt động trong từng bài trong *Ngữ văn 6* được thiết kế bám sát vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã xác định. Mỗi bài học đều có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, đọc, viết, nói – nghe cho từng thể loại (xem ma trận dưới đây):

Bài	VB	Yêu cầu cần đạt về đọc	Yêu cầu về kiến thức Tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói – nghe
<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	<i>Thánh Gióng Sự tích Hồ Gươm Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn Bánh chưng, bánh giầy</i>	Đọc hiểu thể loại truyền thuyết	Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy.	Tóm tắt nội dung chính của một VB bằng sơ đồ.	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

<i>Miền cổ tích</i>	<i>Sọ Dừa</i> <i>Em bé thông minh</i> <i>Chuyện cổ nước mình</i> <i>Non-bu và Heng-bu</i>	Đọc hiểu thể loại cổ tích	Trạng ngữ — chức năng liên kết câu.	Kể lại một chuyện cổ tích.	Kể lại một chuyện cổ tích.
<i>Vẻ đẹp quê hương</i>	<i>Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương</i> <i>Việt Nam quê hương ta</i> <i>Về bài ca dao “Đứng bên tề đồng ngó bên ni đồng...”</i> <i>Hoa bìm</i>	Đọc hiểu thơ lục bát	Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.	Làm một bài thơ lục bát Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ lục bát.	Trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã đọc.
<i>Những trải nghiệm trong đời</i>	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> <i>Giọt sương đêm</i> <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> <i>Cô Gió mất tên</i>	Đọc hiểu truyện đồng thoại	Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
<i>Trò chuyện cùng thiên nhiên</i>	<i>Lao xao ngày hè</i> <i>Thương nhớ bầy ong</i> <i>Đánh thức trầu</i> <i>Một năm ở Tiểu học</i>	Đọc hiểu hồi kí	Ẩn dụ, hoán dụ.	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.	Trình bày về một cảnh sinh hoạt.
<i>Điểm tựa tinh thần</i>	<i>Gió lạnh đầu mùa</i> <i>Tuổi thơ tôi</i> <i>Con gái của mẹ</i> <i>Chiếc lá cuối cùng</i>	Đọc hiểu VB thông tin	Công dụng của dấu ngoặc kép.	Viết biên bản về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc.	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
<i>Gia đình thương yêu</i>	<i>Những cánh bướm</i> <i>Mây và sóng</i> <i>Chị sẽ gọi em bằng tên</i> <i>Con là...</i>	Đọc hiểu thơ	Từ đa nghĩa và từ đồng âm.	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.	Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	<i>Học thầy học bạn</i> <i>Bàn về nhân vật Thánh Gióng</i> <i>Góc nhìn</i> <i>Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?</i>	Đọc hiểu VB nghị luận	Từ mượn; Từ gốc Hán.	Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

Nuôi dưỡng tâm hồn	Lặng quả thông Con muốn làm một cái cây Và tôi nhớ khói Cô bé bán diêm	Đọc hiểu truyện	Lựa chọn cấu trúc câu và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nghĩa của VB.	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
Mẹ Thiên Nhiên	Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro Trái Đất – Mẹ của muôn loài Hai cây phong Ngày Môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ	Đọc hiểu VB thông tin	Công dụng của dấu chấm phẩy Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.	Viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện.	Tóm tắt nội dung trình bày của người khác.

Phần đọc trong mỗi bài học sẽ gồm hai VB đọc chính cùng chủ điểm và cùng thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kỹ năng đọc theo thể loại đồng thời thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB. VB thứ ba khác về thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ điểm, giúp HS hiểu: cùng một chủ điểm nhưng có nhiều cách thể hiện khác nhau. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh VB này với VB khác đồng thời tăng hứng thú cho HS. VB thứ tư cùng thể loại, chủ điểm với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại, tạo cho HS cơ hội sử dụng kiến thức đã học về thể loại để đọc VB khác cùng thể loại (HS tự đọc ở nhà, đến lớp thảo luận). Vì thế, các câu hỏi về VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

Các yêu cầu cần đạt được triển khai được thể hiện qua các hoạt động cụ thể trong từng bài học. Bài *Gia đình thương yêu* dưới đây là một ví dụ (tr. 26, tập hai):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ.
- Nhận biết được từ đa nghĩa và từ đồng âm; phân tích được tác dụng của chúng.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
- Biết tham gia thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình.

Đọc hiểu

Tiếng Việt

Viết, Nói - nghe

Phẩm chất

Các yêu cầu trên được triển khai trong các câu hỏi, bài tập trong bài học để giúp HS đạt được yêu cầu “nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ” và “nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ thơ”, sách nêu câu hỏi (tr. 31, tập hai):

4. Hãy nêu hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ?
5. Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả? Những chi tiết nào trong bài thơ khiến em có cảm nhận đó?

Để giúp HS đạt được yêu cầu “Viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ”, sách trình bày yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ, sau đó hướng dẫn HS phân tích đoạn văn mẫu để HS hiểu được đặc điểm đoạn văn (tr. 37, tập hai):

Đọc đoạn văn trên và thực hiện những yêu cầu sau:

- Tìm những từ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.
- Tác giả đoạn văn đã sử dụng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc?
- Những câu nào thuộc về phần mở đoạn? Vì sao em biết?
- Những câu nào thuộc về phần thân đoạn? Phần này trình bày nội dung gì?
- Hãy chỉ ra câu kết của đoạn văn và cho biết nội dung của nó?
- Tìm những từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó. Nêu tác dụng của những từ ngữ đó.

Tiếp theo, sách ra đề và hướng dẫn HS từng bước trong quy trình tạo lập VB. Sách còn trình bày các bảng kiểm để hướng dẫn HS tự đọc và tự điều chỉnh bài viết (tr. 37, tập hai):

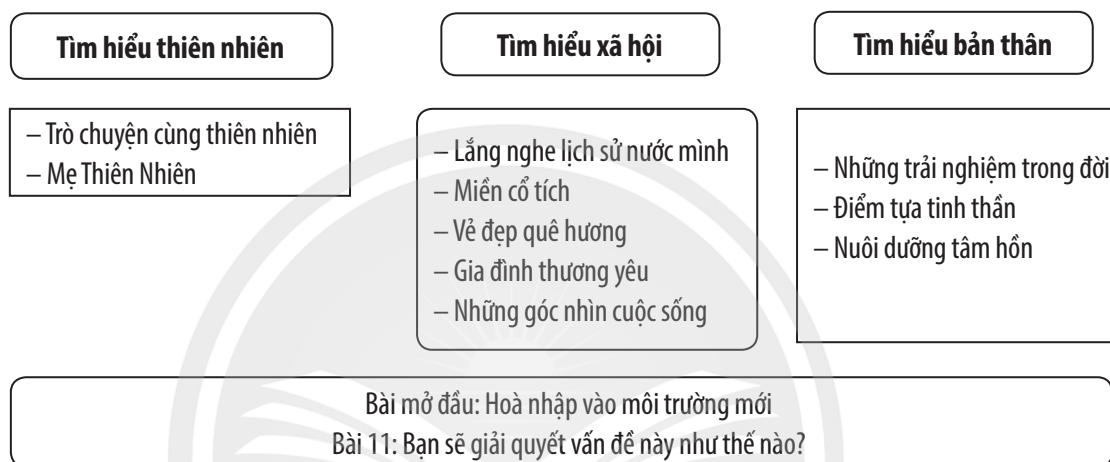
Bảng kiểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.	
	Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc về bài thơ.	
	Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu.	
	Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
	Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.	
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.	
	Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

Như vậy, mọi hoạt động dạy học đều thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, không đi ra ngoài cũng như không nâng cao yêu cầu cần đạt đã xác định (trừ trường hợp dạy lớp chuyên, khi HS đã đạt được yêu cầu cần đạt mà chương trình đã nêu), cũng không dựa trên trình độ HS mà giảm mức độ của yêu cầu cần đạt, vì yêu cầu đó là chuẩn tối thiểu mà HS mọi vùng miền cần đạt.

2.2. Phân tích kết cấu chủ điểm/ bài học

Các bài học trong *Ngữ văn 6* được phân bố thành ba mạch chính: tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu xã hội, tìm hiểu bản thân. Cụ thể như sau:



Sách gồm 10 bài học chính tương ứng với 10 chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi với cuộc sống của HS. Ở tập một, HS sẽ được học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*); khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích, từ đó rút ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người (bài *Miền cổ tích*); yêu quý, tự hào với những vẻ đẹp của thiên nhiên, con người (bài *Vẻ đẹp quê hương*); trải nghiệm thế giới xung quanh để nhận ra những mặt tốt đẹp cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân (bài *Những trải nghiệm trong đời*); quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên (bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*).

Ở tập hai, HS sẽ được tìm hiểu giá trị của những điểm tựa trong cuộc sống mỗi khi đối mặt với thử thách (bài *Điểm tựa tinh thần*); cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa của gia đình đối với cuộc sống của mỗi người và học cách yêu thương gia đình (bài *Gia đình thương yêu*); học cách nhìn cuộc sống từ những góc độ khác nhau, tôn trọng sự khác biệt và biết cách trao đổi, thuyết phục người khác lắng nghe ý kiến của mình (bài *Những góc nhìn cuộc sống*); thấu hiểu ý nghĩa của việc nuôi dưỡng một đời sống tâm hồn phong phú đối với cuộc sống của bản thân (bài *Nuôi dưỡng tâm hồn*); khám phá thiên nhiên và học cách chung sống, trân quý và bảo vệ vạn vật xung quanh mình (bài *Mẹ Thiên Nhiên*).

Ngoài ra, trong bài mở đầu cuốn sách HS được làm quen với các bạn và môi trường học tập mới (bài *Hoà nhập vào môi trường mới*). Cuối cuốn sách, HS được đặt vào một số tình huống thực tế, tìm những cách khác nhau để giải quyết những vấn đề của chính các em (bài *Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?*).

Mỗi bài học là một cột mốc trong cuộc hành trình đầy ắp những điều mới lạ và hấp dẫn, giúp HS hiểu thêm về con người, xã hội, thiên nhiên và về chính bản thân mình.

Ấn trong từng nội dung bài học là các lí thuyết, mô hình, phương pháp dạy học nhằm hướng dẫn HS trong suốt tiến trình học đọc, viết, nói và nghe. Cụ thể là giúp các em quan sát mẫu để học theo mẫu một cách sáng tạo; là tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ về những gì đã đọc, viết, nói và nghe.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ điểm/ bài học theo các mạch kiến thức

Cấu trúc mỗi bài học của *Ngữ văn 6* gồm 6 mục, có sự kết nối chặt chẽ giữa yêu cầu cần đạt, giới thiệu bài học, trình bày kiến thức mới (cung cấp những lí thuyết có tính chất công cụ để giúp HS đọc hiểu, viết, nói và nghe) và các hoạt động hướng dẫn HS đọc, làm bài tập tiếng Việt, viết, nói và nghe, ôn tập (xem sơ đồ sau):

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Định hướng yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất.
GIỚI THIỆU BÀI HỌC CÂU HỎI LỚN	Cung cấp thông tin tổng quát về bài học và khơi gợi hứng thú.
ĐỌC: Tri thức Ngữ văn (đọc hiểu, tiếng Việt) VB 1, 2: thuộc thể loại chính của bài học VB 3: Đọc kết nối chủ điểm, thuộc thể loại khác VB 4: Đọc mở rộng theo thể loại: thực hành đọc thể loại chính của bài học THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT VIẾT NGẮN	Cung cấp tri thức công cụ để đọc VB. Hướng dẫn đọc VB nhằm đạt mục tiêu bài học. Thực hành kiến thức tiếng Việt để đọc hiểu và tạo lập VB.
VIẾT: Tri thức về kiểu bài Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản Hướng dẫn quy trình viết	Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB. Hướng dẫn các bước tạo lập VB.
NÓI – NGHE Tri thức về kiểu bài Hướng dẫn quy trình nói – nghe	Cung cấp tri thức công cụ Hướng dẫn nói, nghe
ÔN TẬP	Củng cố kiến thức; suy ngẫm về những gì đã học.

So sánh cấu trúc bài học như trên với cấu trúc bài học trong SGK hiện hành, ta thấy có những điểm khác biệt cơ bản sau:

Ngữ văn 6 (Chân trời sáng tạo)	Ngữ văn 6 (sách hiện hành)
Yêu cầu cần đạt	
Giới thiệu bài học và câu hỏi lớn cho toàn bài	
Tích hợp đọc, viết, nói – nghe, tiếng Việt	Chỉ tích hợp đọc và tiếng Việt
Nhiệm vụ học tập được thiết kế bám sát yêu cầu, giúp HS đạt yêu cầu về năng lực	Nhiệm vụ học tập tập trung vào kiến thức
Hướng dẫn HS phân tích mẫu, viết theo quy trình	Hầu như không hướng dẫn phân tích mẫu, không hướng dẫn viết theo quy trình
Hướng dẫn HS nói – nghe	
Có các bảng kiểm về viết, nói – nghe	

Nhìn vào bảng so sánh trên ta thấy những điểm khác biệt cơ bản của *Ngữ văn 6* (bộ Chân trời sáng tạo) so với *Ngữ văn 6* hiện hành là: xác định rõ yêu cầu cần đạt dựa trên yêu cầu cần đạt mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra; nội dung và các hoạt động học tập được triển khai dựa vào yêu cầu cần đạt; tích hợp cả về chủ điểm – thể loại lẫn kĩ năng; hướng dẫn HS viết, nói – nghe bằng phương pháp phân tích mẫu; phát triển khả năng tự điều chỉnh của HS thông qua bảng kiểm.

2.4. Phân tích một số chủ đề, bài học đặc trưng

Những điểm mới về yêu cầu cần đạt của bài học, tích hợp đọc, viết, nói nghe với tiếng Việt và cách trình bày tri thức, nội dung các nhiệm vụ học tập của *Ngữ văn 6* được thể hiện qua từng bài học. Dưới đây là hai ví dụ về bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên* (tập một) và *Những góc nhìn cuộc sống* (tập hai).

2.4.1. Trò chuyện cùng thiên nhiên

2.4.1.1. Về yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học này thể hiện các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (đọc, viết, nói – nghe) và phẩm chất mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra (tr. 110, tập một):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về một cảnh sinh hoạt.
- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

2.4.1.2. Về tích hợp

Trong bài học này, HS được học các hồi kí nói về sự tương tác giữa con người với thiên nhiên, đó là các VB: *Lao xao ngày hè* (Duy Khán), *Thương nhớ bầy ong* (Huy Cận, Xuân Diệu). Các tác giả đã miêu tả cảnh ngày hè ở làng quê, cảnh đàn ong bay đi. Đọc hai VB này, HS sẽ học được cách miêu tả cảnh sinh hoạt. Vì thế, trong phần Viết, HS được dạy cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sau đó, trong phần Nói và nghe, HS được học cách chia sẻ, trao đổi với bạn về một cảnh sinh hoạt mà các em đã chứng kiến. Trong các VB đọc, các tác giả đã sử dụng một số biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ. Do đó, trong phần tiếng Việt, HS được học về hai biện pháp tu từ này để có thể đọc, viết tốt hơn.

Quan điểm tích hợp còn được thể hiện trong yêu cầu HS viết đoạn văn có sử dụng kiến thức tiếng Việt đã học, cụ thể là (tr. 122, tập một):



Viết ngắn

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.

2.4.1.3. Về cách trình bày tri thức

Tri thức Ngữ văn gồm hai mục: (1) *Tri thức đọc hiểu*; (2) *Tri thức tiếng Việt*. Trong mục thứ nhất, sách trình bày tri thức về kí, bao gồm hồi kí và du kí; một số đặc điểm của hồi kí. Trong mục thứ hai, sách giải thích thế nào là ẩn dụ, hoán dụ. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, đảm bảo yêu cầu về kiến thức tiếng Việt và Ngữ văn mà chương trình yêu cầu, giúp HS có đủ kiến thức nền để đọc hiểu thể loại hồi kí.

Các tri thức về viết và nói – nghe cũng được trình bày ngắn gọn, gồm định nghĩa về kiểu bài tả cảnh sinh hoạt, đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài.



2.4.1.4. Về các nhiệm vụ học tập

a. Nhiệm vụ học tập phần Đọc

Các câu hỏi đọc hiểu cho VB 1 và VB 2 được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt, sao cho sau khi trả lời các câu hỏi này, HS đạt được yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thể loại hồi kí mà chương trình đề ra. Ví dụ: mục tiêu “Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí; Nhận biết được chủ đề của VB; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của VB” được thể hiện qua hai câu hỏi (tr. 115, tập một):

1. Bức tranh cuộc sống trong *Lao xao ngày hè* được miêu tả qua cảm nhận của ai, theo ngôi kể nào?
2. Hãy liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong văn bản. Theo em, việc kết hợp miêu tả, biểu cảm khi kể chuyện đã giúp ích gì cho việc thể hiện không khí ngày hè?

Phần lớn các câu hỏi đọc hiểu tập trung vào việc hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại hồi kí để các em biết cách đọc hiểu VB tương tự về thể loại.

b. Nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

Yêu cầu cần đạt “Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng” được thể hiện trong bài tập sau trong mục *Thực hành tiếng Việt* (tr. 121, tập một):

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi ở dưới:

Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già! Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: “chè cheo chét”... Chèo bẻo trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm!

- a. Chỉ ra biện pháp ẩn dụ trong đoạn văn.
- b. Nêu nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm với nhau và tác dụng của biện pháp này trong việc miêu tả loài vật.

Những câu hỏi này tập trung vào các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong các VB để giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn.

c. Nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

Yêu cầu cần đạt “Vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói” được thể hiện qua yêu cầu viết ngắn (tr. 122, tập một):

Viết ngắn

Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.

Bài tập này tạo cho HS cơ hội vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ vừa học vào tạo lập đoạn văn.

d. Nhiệm vụ học tập phần Viết

Yêu cầu cần đạt “Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt” được thể hiện qua một loạt các hoạt động: từ việc yêu cầu HS đọc và phân tích VB mẫu để từ đó học cách tạo lập kiểu VB tương tự đến các yêu cầu xác định đề tài, thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Một điểm mới đặc biệt của phần viết là bảng kiểm bài viết tả cảnh sinh hoạt. HS có thể dùng bảng kiểm này để tự điều chỉnh bài viết của mình đồng thời góp ý cho bài viết của bạn (tr. 128, tập một).

Bảng kiểm bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi xưng hô phù hợp trong khi quan sát, miêu tả.	
	Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra cảnh sinh hoạt.	
Thân bài	Tả bao quát cảnh sinh hoạt.	
	Tái hiện được các sự vật, đường nét, màu sắc, âm thanh cụ thể.	
	Kết hợp các giác quan khi quan sát và miêu tả.	
	Tả cảnh sinh hoạt theo trình tự.	
Kết bài	Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc đối với con người, cuộc sống được miêu tả.	
	Nêu được ấn tượng, tình cảm của người viết đối với cảnh sinh hoạt.	

e. Nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt “Nói và nghe về một cảnh sinh hoạt” được thể hiện qua đề bài trình bày về một cảnh sinh hoạt và các yêu cầu xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá trong hai vai trò người nghe và người nói (tr. 130, tập một).

Bảng kiểm bài nói về một cảnh sinh hoạt

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Cảnh được tả bao quát.	
Cảnh được tả cụ thể.	
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp.	
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	

2.4.2. Những góc nhìn cuộc sống

2.4.2.1. Về yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học này thể hiện các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (đọc, viết, nói – nghe) và phẩm chất mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra (tr. 40, tập hai):

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.
- Nhận biết được từ mượn, biết cách sử dụng từ mượn; nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.
- Bồi dưỡng lòng nhân ái qua việc thấu hiểu, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

2.4.2.2. Về quan điểm tích hợp

– Tích hợp đọc theo chủ đề: Các VB đọc của bài 8 đều xoay quanh chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống*. Cụ thể như sau: VB *Học thầy, học bạn* nói về những góc nhìn khác nhau về lợi ích của việc học thầy, học bạn, VB *Bàn về nhân vật Thánh Gióng* đưa ra những góc nhìn khác nhau về nhân vật Thánh Gióng, VB đọc kết nối chủ điểm *Góc nhìn* là một câu chuyện với chủ điểm thay đổi góc nhìn, thay đổi cuộc sống, VB đọc mở rộng theo thể loại đưa ra những góc nhìn khác nhau để trả lời cho câu hỏi *Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc?*.

– Tích hợp đọc, viết, nói và nghe theo thể loại: Hai VB đọc chính thuộc thể loại văn nghị luận sẽ là tiền đề để HS triển khai phần viết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, nội dung phần viết sẽ được HS chuyển thành nội dung trình bày trong phần Nói và nghe.

– Tích hợp tiếng Việt: Trong VB đọc, các tác giả có sử dụng từ mượn, từ Hán Việt, do đó, phần Thực hành tiếng Việt sẽ cung cấp tri thức về từ mượn và từ Hán Việt.

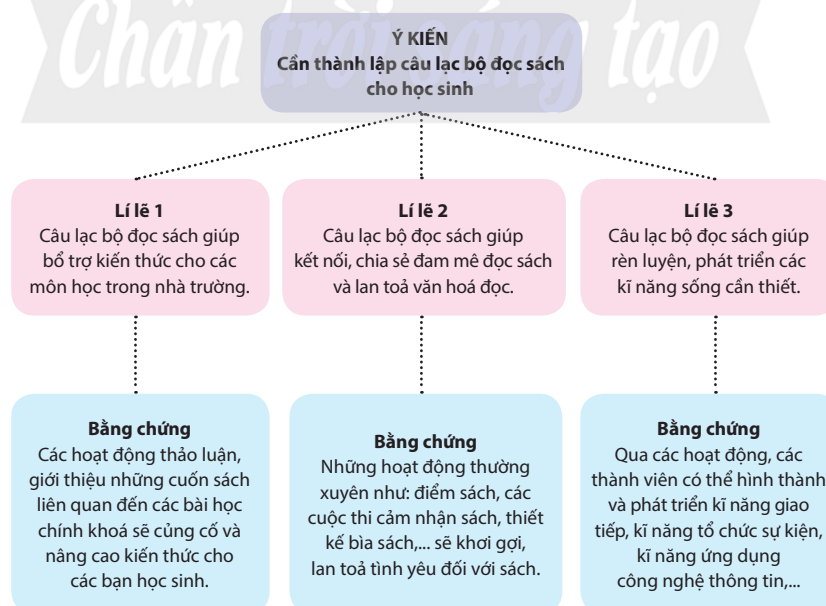
– Tích hợp với phần Viết ngắn: Phần Viết ngắn được tích hợp cả chủ điểm *Những góc nhìn cuộc sống* và cả tiếng Việt. Cụ thể như sau (tr. 49, tập hai):

★ Viết ngắn

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.

2.4.2.3. Về cách trình bày tri thức

Tri thức Ngữ văn gồm hai mục: (1) *Tri thức đọc hiểu*; (2) *Tri thức tiếng Việt*. Trong mục thứ nhất, sách trình bày tri thức về văn nghị luận. Trong mục thứ 2, sách giải thích thế nào là từ mượn, từ Hán Việt. Các tri thức được trình bày ngắn gọn, đảm bảo yêu cầu về kiến thức tiếng Việt và Ngữ văn mà chương trình yêu cầu, giúp HS có đủ kiến thức nền để đọc hiểu thể loại văn nghị luận. Tri thức đọc hiểu hướng đến giúp HS hình thành khái niệm về thể loại, nhằm hướng đến đọc hiểu thể loại, cho nên sách đã cung cấp phần ví dụ dưới dạng sơ đồ trực quan, sinh động (tr. 41, tập hai):



Sơ đồ: Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận

Các tri thức về Viết và Nói – Nghe cũng được trình bày ngắn gọn, gồm định nghĩa về kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống, đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài.

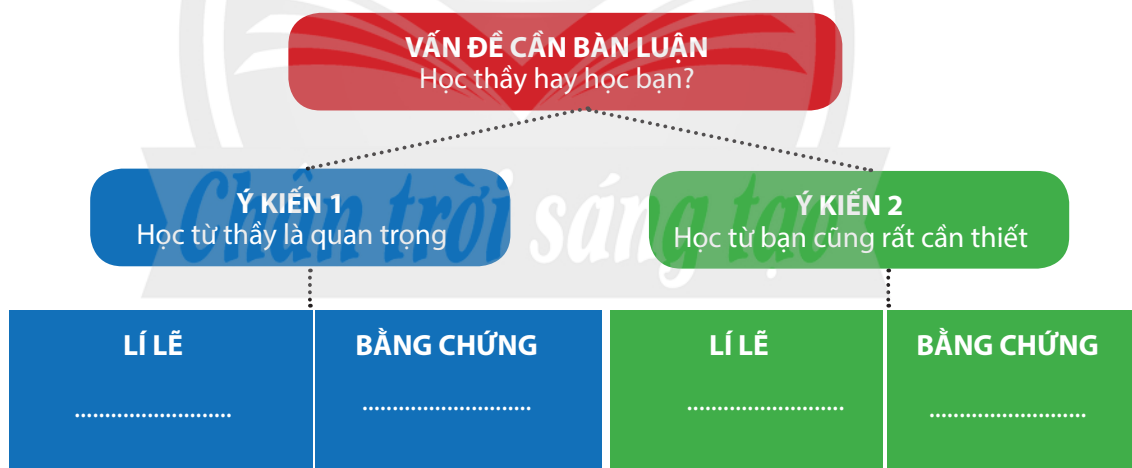
2.4.2.4. Về các nhiệm vụ học tập

a. Nhiệm vụ học tập phần đọc

Các câu hỏi đọc hiểu cho VB 1 và VB 2 được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt, sao cho sau khi trả lời các câu hỏi này, HS đạt được yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thể loại văn nghị luận mà chương trình đề ra. Ví dụ: mục tiêu "Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu VB nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng" được thể hiện qua các câu hỏi (tr. 43, tập hai):

1. Xác định những câu văn thể hiện ý kiến của người viết về việc học thầy, học bạn.
2. Để thuyết phục người đọc về tầm quan trọng của việc học thầy, học bạn, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?

Để làm bật được tương quan giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB, hệ thống câu hỏi có tích hợp sơ đồ để hướng dẫn HS trả lời. Sơ đồ này tương thích với sơ đồ ví dụ được trình bày trong phần Tri thức đọc hiểu. Cụ thể như sau (tr. 44, tập hai):



Phần lớn các câu hỏi đọc hiểu tập trung vào việc hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm thể loại văn nghị luận để các em biết cách đọc hiểu VB tương tự về thể loại.

b. Nhiệm vụ học tập phần Thực hành tiếng Việt

Yêu cầu cần đạt "Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt" được thể hiện qua một số bài tập như sau (tr. 48, tập hai):

4. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong các câu sau:

- Thấy con mình có **tài năng** thiên bẩm về **hội họa**, người cha đã cho cậu theo học thầy Ve-róc-chi-ô, một **hoạ sĩ** nổi tiếng.*
- Hai câu tục ngữ trên mới đọc qua có vẻ mâu thuẫn, **phủ định** lẫn nhau, nhưng suy nghĩ kĩ thì thấy chúng **bổ sung** cho nhau, làm cho **nhận thức** về việc học thêm toàn diện.*
- Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của **dân tộc** bình thường tiềm ẩn trong **nhân dân**, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười.*
- Quá trình **phát triển** của nhân vật Thánh Gióng đòi hỏi ý nghĩa **nhân sinh** và nên thơ, nên hoạ biết bao!*

Những câu hỏi này tập trung vào các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong các VB để giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn.

c. Nhiệm vụ học tập phần Viết ngắn

Yêu cầu cần đạt “Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt” được tích hợp vào phần viết ngắn (tr. 49, tập hai):

Viết ngắn

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.

Bên cạnh đó, yêu cầu phần viết ngắn cũng được tích hợp với chủ điểm của bài học.

d. Nhiệm vụ học tập phần Viết

Yêu cầu cần đạt “Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống” được thể hiện qua một loạt các hoạt động: từ việc yêu cầu HS đọc và phân tích VB mẫu để từ đó học cách tạo lập kiểu VB tương tự đến các yêu cầu xác định đề tài, thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, viết bài, xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Một điểm mới đặc biệt của phần viết là bảng kiểm bài viết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống. HS có thể dùng bảng kiểm này để tự điều chỉnh bài viết của mình đồng thời góp ý cho bài viết của bạn (tr. 56, tập hai).

Bảng kiểm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Có dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận.	
	Nêu được cụ thể hiện tượng sẽ bàn luận.	
Thân bài	Thể hiện rõ ràng ý kiến về hiện tượng.	
	Trình bày được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để làm rõ ý kiến.	
	Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.	
	Đã sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.	
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến của mình.	
	Đề xuất được những giải pháp.	

e. Nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt “Trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống” được thể hiện qua đề bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống và các yêu cầu xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá trong hai vai trò người nghe và người nói (tr. 58, tập hai).

Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.	
Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định.	
Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.	
Người trình bày ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả.	

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

Mục tiêu dạy học của môn Ngữ văn trong chương trình mới là phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ (gồm bốn kĩ năng đọc, viết, nói – nghe) và năng lực văn học. Năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, khi thực hiện chương trình mới, GV cần chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức cho HS sang hướng dẫn, tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, cụ thể là:

- Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm: đọc VB, quan sát mẫu, trả lời câu hỏi, diễn kịch, thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, vẽ tranh,... từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân.

- Dạy kĩ năng thông qua việc dạy kiến thức để HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại.

- Tổ chức cho HS thảo luận, tương tác trong nhóm nhỏ, nhóm lớn để học cách tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ, học kĩ năng giao tiếp (nói, nghe, tương tác), kĩ năng hợp tác.

- Tổ chức cho HS suy ngẫm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, từ đó điều chỉnh nhận thức của bản thân thông qua việc dùng bảng kiểm.

- Mỗi hoạt động học tập phải được thiết kế cụ thể, rõ ràng, thể hiện được các yêu cầu cần đạt.

Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để giúp HS từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra.

- Tạo môi trường thân thiện để HS hăng hái tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo.

- Phản hồi kịp thời, phù hợp, tế nhị để HS giúp HS tiến bộ đồng thời tạo động lực học tập cho HS.

- Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là yêu cầu cần đạt đối với từng bài học, nội dung bài học, đối tượng HS, thời gian cho phép và sở trường của GV.

- Sử dụng và hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin phù hợp, nhằm tạo cơ hội cho HS tìm kiếm, trình bày, phân tích thông tin, tránh trường hợp chiếu chép.

- Đa dạng hoá hình thức tổ chức hoạt động: theo nhóm và cá nhân; hoạt động trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường, ở nhà.

3.2. Phương pháp dạy đọc, viết, nói – nghe

3.2.1. Dạy đọc

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và biện pháp dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng:

3.2.1.1. Làm mẫu kĩ năng đọc

Một trong những cách học phổ biến là học thông qua quan sát mẫu. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học. Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng rất nhiều kĩ năng: liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu. Vì thế, GV cần phải làm mẫu cách đọc để HS không chỉ đọc được những VB trong SGK mà còn biết cách đọc các loại VB khác, ngoài chương trình học.

Làm mẫu cách đọc là biện pháp GV vừa đọc vừa nói to những suy nghĩ, những gì mình chú ý, hình dung, cảm xúc, suy đoán, ... về VB. Bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, GV giúp cho HS quan sát được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc. Đối với mỗi chủ điểm, GV có thể chọn một kĩ năng đọc (trong *Bảng thuật ngữ kĩ năng đọc*) để làm mẫu cách đọc cho HS. Tiến trình làm mẫu như sau:

- GV giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó.
- Sau đó, chọn một đoạn trong VB, (có thể chiếu trên màn hình), chọn một từ ngữ hoặc hình ảnh.
- Đọc to đoạn đó và gạch chân/ đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu.
- Làm mẫu cách sử dụng kĩ năng đó bằng cách nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc, ví dụ:

- + Từ này nên được hiểu thế nào đây?
- + Mình đã gặp từ này trong đoạn trước.
- + Có lẽ từ này nên được hiểu là...
- +

Sau đó, GV dành vài phút cho HS thực hành trong nhóm kĩ năng đọc vừa học.

3.2.1.2. Sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở

Một trong những mục tiêu quan trọng của dạy học là phát triển năng lực tư duy cho HS. Câu hỏi và trả lời câu hỏi là một trong những công cụ hiệu quả để hình thành và phát triển phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kĩ năng giao tiếp cho HS. Đọc chính là quá trình tư duy, đồng thời là quá trình trải nghiệm, khám phá VB. Bản thân ngôn

từ trong VB có tính đa nghĩa, mỗi người đọc lại có tri thức nền khác nhau nên một từ ngữ, hình ảnh có thể gợi lên những cách hiểu khác nhau, đặc biệt là đối với VB văn chương, không có cách hiểu nào là duy nhất đúng. Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế mà trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua các câu hỏi, các hướng dẫn, không áp đặt, truyền thụ kiến thức một chiều, cũng không mớm sẵn câu trả lời cho HS.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học nói chung, dạy đọc VB nói riêng là một biện pháp dạy học rất quan trọng, tạo cơ hội cho HS kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời đạt được những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VB mà CTGDPT môn Ngữ văn (2018) đã đề ra.

Câu hỏi cần được sử dụng ở các cấp độ từ nhận biết đến phân tích, suy luận, liên hệ, vận dụng, đánh giá. Các cấp độ câu hỏi này phù hợp quy trình nhận thức về VB: từ nhận biết ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đến phân tích, suy luận để khám phá ý nghĩa của các ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đó, diễn giải mối quan hệ giữa chúng với tính cách nhân vật, chủ điểm, VB,... để từ đó nhận ra tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của VB.

Ngoài việc nêu câu hỏi cho HS trả lời, GV cần hướng dẫn và tạo cho cơ hội HS tự đặt câu hỏi cho mình trong quá trình đọc và đặt câu hỏi cho bạn trong khi thảo luận. Điều này góp phần làm cho HS trở thành người đọc chủ động.

3.2.1.3. Tổ chức cho học sinh tương tác trong giờ học

Đọc là quá trình tương tác giữa VB/ tác giả với người đọc và giữa những người đọc với nhau. Ở mỗi thời điểm khác nhau, những người đọc với kiến thức nền, quan điểm khác nhau có thể có những cách lí giải khác nhau về VB. Tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật cũng là một nhân tố góp phần tạo nên sự phong phú cho những cách lí giải đó. Trong nhà trường, hoạt động đọc là tiến trình tương tác giữa VB với người đọc – GV và với người đọc – HS. GV vừa là một trong những người đọc (có kinh nghiệm hơn) trong lớp học, vừa là *người tổ chức tiến trình tương tác* này. Vai trò của GV *không phải là truyền thụ hiểu biết của bản thân về VB cho HS. HS không phải là người ghi chép, học thuộc những lời giảng của GV* mà là những người tham gia vào quá trình kiến tạo nghĩa cho VB. Quy mô và mức độ của sự tương tác giữa những người đọc (HS – HS, HS – GV) sẽ rất phong phú, nếu GV biết cách tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ ý tưởng, nhận thức về VB và về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Nếu việc đọc xảy ra trong một cộng đồng thì sự tương tác với cộng đồng sẽ tác động đến cách lí giải của người đọc về VB. Một VB được nhiều người đọc và thảo luận thì trong quá trình trao

đối, thảo luận, sự va chạm, tương tác giữa những ý tưởng của những người đọc khác có thể giúp cả GV lẫn HS định hình rõ hơn cách hiểu về VB, khơi gợi những ý tưởng khác về VB hoặc điều chỉnh cách hiểu trước đó về VB. Vì thế, GV cần tổ chức cho HS tương tác, thảo luận để HS điều chỉnh cách hiểu về VB và để nhận thấy rằng có nhiều cách hiểu về VB, để học cách trình bày, bảo vệ quan điểm của mình, cách phản biện và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Nội dung cho HS thảo luận bao gồm:

- Thảo luận về nội dung và hình thức nghệ thuật của VB: ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, về quan điểm sống, cách hành xử của nhân vật, về quan điểm của tác giả, về cách xây dựng nhân vật, cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật,...
- Thảo luận về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, ví dụ vấn đề sử dụng mạng xã hội của HS, GV nên hành xử thế nào nếu vô tình có lỗi với HS,...
- Thảo luận về những ý kiến, quan điểm độc đáo, khác biệt của một HS nào đó trong lớp.

Hình thức tổ chức thảo luận đa dạng: thảo luận trong nhóm hai HS, 4 đến 5 HS thảo luận giữa các HS trong cả lớp. Sau khi HS thảo luận xong, GV cần cho đại diện các nhóm hoặc một số nhóm (nếu không đủ thời gian) trình bày ý kiến, sản phẩm của mình và cho các nhóm khác góp ý, nhận xét. Những lí giải thú vị, độc đáo của HS, nhóm HS về VB cần được GV khen ngợi, tôn trọng. Dựa trên những ý kiến phản hồi, tranh luận của HS về VB, GV có thể điều chỉnh nội dung dạy học/ điều chỉnh kế hoạch dạy học. Như vậy, “sản phẩm” của giờ học có sự đóng góp của cả HS lẫn GV chứ không phải chỉ của riêng GV và GV áp đặt cho HS.

3.2.1.4. Hướng dẫn học sinh kết hợp viết ngắn trong quá trình đọc

Đọc, viết, nói và nghe là bốn kĩ năng giao tiếp có mối quan hệ chặt chẽ, đọc tốt giúp tăng kĩ năng viết, viết giúp tăng kiến thức về ngôn ngữ, giúp đọc tốt hơn, hiểu rõ hơn cái được đọc, nhớ lâu hơn. Nghe tăng kĩ năng nói. Viết ngắn trong quá trình đọc là biện pháp giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng hình thức viết (khác với việc viết bài luận về VB sau khi học để kiểm tra kiến thức về VB). Vì thế, trong quá trình đọc, GV cần tổ chức và hướng dẫn HS ghi chép những gì suy nghĩ, ý tưởng trong quá trình đọc bằng nhiều cách khác nhau (không phải là chép những gì GV giảng và đọc). GV có thể hướng dẫn HS viết ngắn bằng nhiều hình thức, thực hiện ở nhà hoặc trên lớp. Ví dụ:

- Điền vào phiếu học tập.
- Làm phiếu từ hay.
- Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện,...
- Vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB.

- Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB.
- Viết nhật kí đọc sách.
-

Những gì HS viết, vẽ,... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm minh chứng để đánh giá quá trình học tập của HS.

3.2.1.5. Tổ chức cho học sinh đóng vai

Một trong những hình thức trải nghiệm VB thú vị, hữu ích là hoá thân vào nhân vật để cảm nhận sâu sắc những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, để hiểu vì sao nhân vật hành xử như thế này mà không phải thế khác. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS cơ có hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh cảm xúc cho HS. Qua đó, HS học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo. GV có thể tổ chức cho HS:

- Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.
- Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu mình ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.
- Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc đóng vai tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.
- Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

3.2.2. Dạy viết

3.2.2.1. Làm mẫu kĩ năng viết

Tạo lập VB là một hoạt động nhận thức phức tạp, để biết cách tạo lập một VB, HS cần được học cách làm. Trong lớp học, GV chính là một người viết có kinh nghiệm, và cần giải thích và làm mẫu kĩ năng viết xảy ra như thế nào cho HS quan sát, để từ đó học cách làm, ví dụ: cách phân tích đề, cách lập dàn ý, cách viết câu chủ đoạn, cách viết mở bài, kết bài,... Để HS có thể “thấy” và hiểu được những hoạt động tư duy xảy ra trong đầu GV khi viết, ví dụ như khi nảy sinh, chọn lựa các ý tưởng, viết thành câu rồi lại xoá, bổ sung,... GV cần phải nói to những suy nghĩ của mình, trực quan hoá cách làm của mình bằng những lời nói (think-aloud). Điều này tương tự như một GV toán

trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” logic tư duy của GV khi giải bài toán.

Trong quá trình làm mẫu cách viết, GV nên:

- Giải thích mục đích của việc GV làm mẫu là để HS học cách viết.
- Nói rõ kĩ năng mà GV sẽ làm mẫu cho HS, ví dụ: Hôm nay chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận,...
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: Cô giáo đã lập dàn ý bằng cách,...
- Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để làm mẫu, ví dụ: cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm. Nếu làm mẫu cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.
- Trong quá trình làm mẫu kĩ năng viết, GV nên dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,... Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + Viết câu mở bài thế nào để hấp dẫn người đọc nhỉ?
- + Đến đây, thầy/ cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.
- + Thầy/ cô nghĩ là thầy phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?
- + Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.
- + ...

– Sau khi kết thúc việc làm mẫu, GV yêu cầu HS trình bày những gì họ nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những bài học kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi tạo lập một VB tương tự về kiểu loại.

– Yêu cầu HS thực hành viết.

Lưu ý:

- Trong quá trình làm mẫu, GV không nêu câu hỏi, yêu cầu HS phát biểu, đề xuất ý tưởng, cách của HS.
- Giải thích rõ cái mình đang nghĩ, đang viết và tại sao lại viết như vậy.

3.2.2.2. Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu

Thể loại là dạng thức của VB, thể hiện cách thức sử dụng ngôn ngữ trong một dạng thức nhất định. Trong chương trình Ngữ văn 6, HS học cách tạo lập các kiểu VB: biểu cảm, tự sự, sáng tác, tả cảnh, nghị luận, thuyết minh. Để có thể tạo lập được VB theo các kiểu, trước tiên, HS cần được học để hiểu rõ kiểu này khác với kiểu kia như thế nào. Để đạt được mục tiêu này, GV cần hướng dẫn HS phân tích VB mẫu. Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là phương pháp hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích nội dung, cấu trúc một VB mẫu, cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong VB đó để qua đó, HS học cách tạo lập kiểu VB. Như vậy, HS không học lí thuyết suông về VB như cách dạy hiện nay mà học lí thuyết thông qua một VB mẫu, tức một ví dụ cụ thể. Dưới đây là ví dụ VB mẫu về viết đoạn văn (tr. 75, tập một):

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Mở đoạn Thân đoạn Kết đoạn	Công cha như núi ngất trời Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông Núi cao biển rộng mênh mông Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi. Bài ca dao trên luôn gợi cho tôi những cảm xúc sâu lắng⁽¹⁾ về "công cha, nghĩa mẹ"^(*). Với âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát, bài ca dao làm tôi nhớ⁽¹⁾ đến lời ru thân thương thuở nào. Những hình ảnh so sánh quen thuộc như "núi ngất trời"⁽²⁾ và "nước ở ngoài Biển Đông"⁽²⁾ giúp tôi hình dung về công lao không thể nào đong đếm được của đấng sinh thành⁽¹⁾. Đúng vậy, làm sao có thể kể hết bao khó khăn, nhọc nhằn mà cha mẹ đã trải qua để nuôi dưỡng chúng ta nên người!⁽¹⁾ Câu cuối "cù lao chín chữ ghi lòng con ơi"⁽²⁾ là lời dặn dò chân thành, tha thiết và cũng là lời dạy của người xưa về bốn phận làm con. Làm con là phải khắc ghi công ơn trời biển ấy. Những câu ca dao về tình cha, nghĩa mẹ như vậy đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thơ bé, giúp tôi thấm thía những yêu thương mà mình nhận được trong đời.	(*). Câu chủ đề của đoạn văn. 1. Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát. 2. Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.
--	---	--

(Nhóm biên soạn)

Sau khi cho HS quan sát mẫu, GV hướng dẫn HS nhận biết: (1) cấu trúc chung của VB; (2) đặc điểm của từng phần trong VB; (3) đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong VB để nhận biết yêu cầu về ngôn ngữ đối với kiểu loại VB đó. Từ đó khái quát các đặc điểm chung của kiểu VB.

Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là sự thể hiện của việc tích hợp dạy đọc với dạy viết, mục đích chính là để học cách tạo lập VB tương tự về kiểu VB.

3.2.2.3. Hướng dẫn quy trình viết

Vì “viết là một tiến trình” nên GV không áp đặt quan điểm của mình, không lập dàn ý mẫu cho HS copy mà tổ chức cho HS học cách viết trong suốt tiến trình tạo lập VB với sự trợ giúp của GV, sự tương tác với các bạn học.

Vai trò của người GV trong dạy học viết dựa trên tiến trình là trợ giúp, tư vấn, người đọc, người lắng nghe, là người tạo ra môi trường để HS cảm thấy thoải mái, tự tin tìm ra giọng điệu của chính mình để chia sẻ sản phẩm của họ. GV cần tạo cho HS cơ hội chọn lựa đề tài, tự thực hiện hoạt động viết, xem xét, khám phá sự phát triển của những ý tưởng của chính họ và bạn học, viết nháp, thử nghiệm các hình thức VB khác nhau mà họ cho là hình thức đó sẽ giúp họ giao tiếp tốt hơn. Qua đó, họ học cách tạo lập VB. Điều này hoàn toàn khác với cách dạy tập trung vào việc phân tích những bài mẫu có sẵn và copy các bài mẫu.

Để làm được điều này, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, không tạo áp lực cho HS, khuyến khích, trợ giúp họ trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu là hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng tiếp tục xảy ra cho đến khi sản phẩm cuối cùng; đồng thời, GV cần phải kiên nhẫn, cho HS đủ thời gian để nảy sinh ý tưởng, thu thập thông tin, đọc lại và chỉnh sửa.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn. Cách dạy này khác với cách dạy hiện nay: GV cung cấp lí thuyết về cách viết cho HS, cung cấp bài mẫu, sau đó giao đề tài cho HS, HS rất có thể copy bài mẫu.

Để hướng dẫn HS thực hiện quy trình viết, GV cần:

- Ra đề bài để HS có cơ hội học bằng cách làm, thông qua làm.

- Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Viết là một trong những cách để chúng ta giao tiếp với những người khác, là một hoạt động tương tác xã hội. Và để giao tiếp hiệu quả, chúng ta cần xác định nội dung sẽ viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Nghĩa là khi giao tiếp dù bằng hình thức nào, người nói, người viết cũng cần trả lời các câu hỏi: Đối tượng giao tiếp của tôi là ai? Mục đích, nội dung giao tiếp là gì? Với đối tượng và mục đích đó, nội dung và cách thức giao tiếp nên như thế nào?

- Hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý bằng cách thu thập thông tin liên quan đến đề tài, kiểu loại VB trong sách, trên mạng,... thảo luận nhóm lập sơ đồ dàn ý,...

– Tổ chức cho HS viết bản thảo, có thể viết một đoạn trên lớp, viết bài ở nhà. GV cần cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá kiểu bài hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện,...). Như vậy, các tiêu chí, bảng kiểm có hai chức năng: (1) hướng dẫn HS để HS biết cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

– Tổ chức cho HS xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm bằng cách:

+ Hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra và chỉnh sửa bài viết.

+ Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài lẫn nhau theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa trên bảng kiểm.

+ Cho HS rút ra bài học kinh nghiệm về cách viết.

3.2.3. Dạy Nói và nghe

3.2.3.1. Dạy nói

Khi dạy nói, GV cần:

– Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi người nghe của tôi là ai, họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói, mục đích nói của tôi là gì. Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.

– Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài đã viết) về nội dung (trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói) và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận).

– Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

3.2.3.2. Dạy nghe

Khi dạy HS nghe, GV nên:

– Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.

– Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.

– Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn làm rõ thêm,...; Nếu là tôi, tôi sẽ,...; Nên chăng bạn tập trung vào nội dung,....

3.2.3.3. Dạy nói – nghe tương tác

Hướng dẫn HS:

- Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói.
- Nối tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ điểm cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại.
- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt.
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

3.2.4. Dạy tiếng Việt

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và tạo lập các loại VB. Do đó, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt cần được tích hợp với ngữ liệu đã được lựa chọn ở phần đọc hiểu. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao năng lực đọc hiểu. Tuy nhiên, GV cũng có thể cân nhắc thêm việc những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn đạt hiệu quả, GV lưu ý đến việc tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kĩ năng khác như viết, nói và nghe.

Dạy Tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* gồm hai nội dung chính là:

- *Tri thức tiếng Việt*: cung cấp cho HS một số hiểu biết cơ bản về tiếng Việt, đủ để các em vận dụng vào quá trình tiếp nhận và tạo lập VB.
- *Thực hành tiếng Việt*: gồm thực hành luyện tập, vận dụng những kiến thức tiếng Việt mới được giới thiệu ở bài học thực hành những kiến thức đã được học ở những bài trước đó hoặc cấp Tiểu học.

Trong đó, nội dung trọng tâm của việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* là thực hành. Thông qua thực hành, HS sẽ hiểu hơn về các đơn vị kiến thức tiếng Việt và vận dụng chúng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

3.2.4.1. Dạy Tri thức tiếng Việt

GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau:

- Dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới được xác định ở phần *Tri thức tiếng Việt*.
- Sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu để đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.

– Sử dụng mẫu ngữ liệu được cung cấp ở phần *Tri thức tiếng Việt* hoặc do GV lựa chọn và hướng dẫn HS quan sát, phân tích ngữ liệu ấy theo định hướng của bài học để rút ra nội dung kiến thức cần lĩnh hội.

– Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan (sơ đồ, biểu bảng,...) để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

3.2.4.2. *Dạy Thực hành tiếng Việt*

Đối với những nội dung *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể:

– Sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

– Tổ chức thảo luận nhóm để trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập với nhau cũng như thực hiện việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức.

– Tổ chức thực hành dưới hình thức trò chơi để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp sử dụng một số kĩ thuật sau để làm cho phần *Thực hành tiếng Việt* thêm hấp dẫn, sinh động như phiếu học tập, kĩ thuật khăn trải bàn đối với những bài tập mang tính “vấn đề”, sơ đồ tư duy,...

3.2.5. *Dạy viết ngắn/ viết đoạn*

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kĩ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức nội dung dạy học theo những gợi ý dưới đây:

– Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS vận dụng những hiểu biết đã có trong các VB vừa đọc và kiến thức tiếng Việt vừa học vào viết đoạn.

– Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist) hoặc kĩ thuật 321.

– Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

– Nhắc HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp.

4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN

4.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong giáo dục nói chung, trong môn Ngữ văn nói riêng, nhằm các mục tiêu sau:

- Giúp HS nhận ra những gì mình đã đạt hoặc chưa đạt so với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà chương trình đã đề ra, từ đó điều chỉnh việc học.
- Giúp GV tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động dạy học, từ đó điều chỉnh nhằm giúp HS đạt chuẩn chương trình.
- Giúp các nhà quản lý và phát triển chương trình nhận ra những điểm tốt/ chưa tốt để điều chỉnh chương trình và cách quản lý, đảm bảo chất lượng giáo dục.

4.2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về:

- Các phẩm chất chung, được thể hiện qua môn học.
- Các năng lực chung, đặc biệt là năng lực giao tiếp.
- Các năng lực chuyên biệt mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra đối với HS mỗi lớp học, cấp học.

4.3. Nội dung đánh giá

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

4.3.1. Đánh giá hoạt động đọc

Đo lường mức độ HS đạt yêu cầu về đọc hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, kiểu VB, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

4.3.2. Đánh giá hoạt động viết

Đánh giá khả năng tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,... mà chương trình đã đề ra.

Đánh giá kĩ năng viết dựa vào các tiêu chí, bảng kiểm, được xây dựng dựa trên đặc điểm của kiểu bài, bao gồm nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

4.3.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

Đánh giá khả năng HS nói đúng chủ điểm và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; khả năng chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật

nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ.

Đánh giá khả năng nắm bắt nội dung do người khác nói, khả năng đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

4.4. Hình thức đánh giá

Có hai hình thức đánh giá: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

4.4.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thể hiện ở việc HS thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao: trả lời câu hỏi, thực hiện các phiếu học tập, trao đổi trong nhóm, ôn tập cuối bài học. Xem hai ví dụ dưới đây. Ví dụ 1: Câu hỏi trong bài *Vẻ đẹp quê hương* (tr. 65, tập một):

Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu.
2. Trong văn bản, tác giả tập trung miêu tả những hình ảnh nào tiêu biểu cho đất nước, con người Việt Nam và nói đến những vẻ đẹp nào của quê hương?
3. Tìm và nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương trong bốn dòng thơ đầu.
4. Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh, từ ngữ đặc sắc được dùng để khắc họa vẻ đẹp con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại.
5. Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy.
6. Văn bản gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?

Ví dụ 2: Câu hỏi ôn tập bài *Gia đình thương yêu* (tr. 39, tập hai):

ÔN TẬP

1. Đọc lại ba văn bản *Những cánh bướm*, *Mây và sóng*, *Con là...* và điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Nội dung chính	Nhận xét về cách thể hiện tình cảm gia đình qua ba văn bản
<i>Những cánh bướm</i>		
<i>Mây và sóng</i>		
<i>Con là...</i>		

2. Khi đọc một bài thơ chúng ta cần chú ý đến những yếu tố nào về hình thức và nội dung?
3. Các văn bản trong bài học này gợi cho em những suy nghĩ gì về tình cảm gia đình?

4.4.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối cấp học) bằng một đề kiểm tra viết.

Cấu trúc của đề kiểm tra viết thường gồm hai phần:

- Phần 1: Đọc và tiếng Việt
- Phần 2: Viết

Đối với đề kiểm tra viết VB văn học, cần hết sức cân nhắc việc sử dụng dạng đề trắc nghiệm, vì VB văn học là một thực thể mở và động, có thể có nhiều cách hiểu. Đối với đọc hiểu VB thông tin, VB nghị luận kiến thức tiếng Việt và làm văn, GV có thể sử dụng đề trắc nghiệm.

Khi đánh giá kĩ năng đọc của HS, GV cần chọn những VB ngoài SGK nhưng đảm bảo độ dài và cùng thể loại với VB mà HS đã được học để có thể kiểm tra chính xác kĩ năng đọc hiểu VB của HS. Khi đánh giá kĩ năng viết và nói nghe của HS, GV cần ra những đề mở, nằm trong tầm hiểu biết và quan tâm của HS để HS có đủ tri thức nền và hứng thú làm bài, đồng thời có cơ hội thể hiện cá tính và năng lực sáng tạo.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NXBGDVN

5.1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lí trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

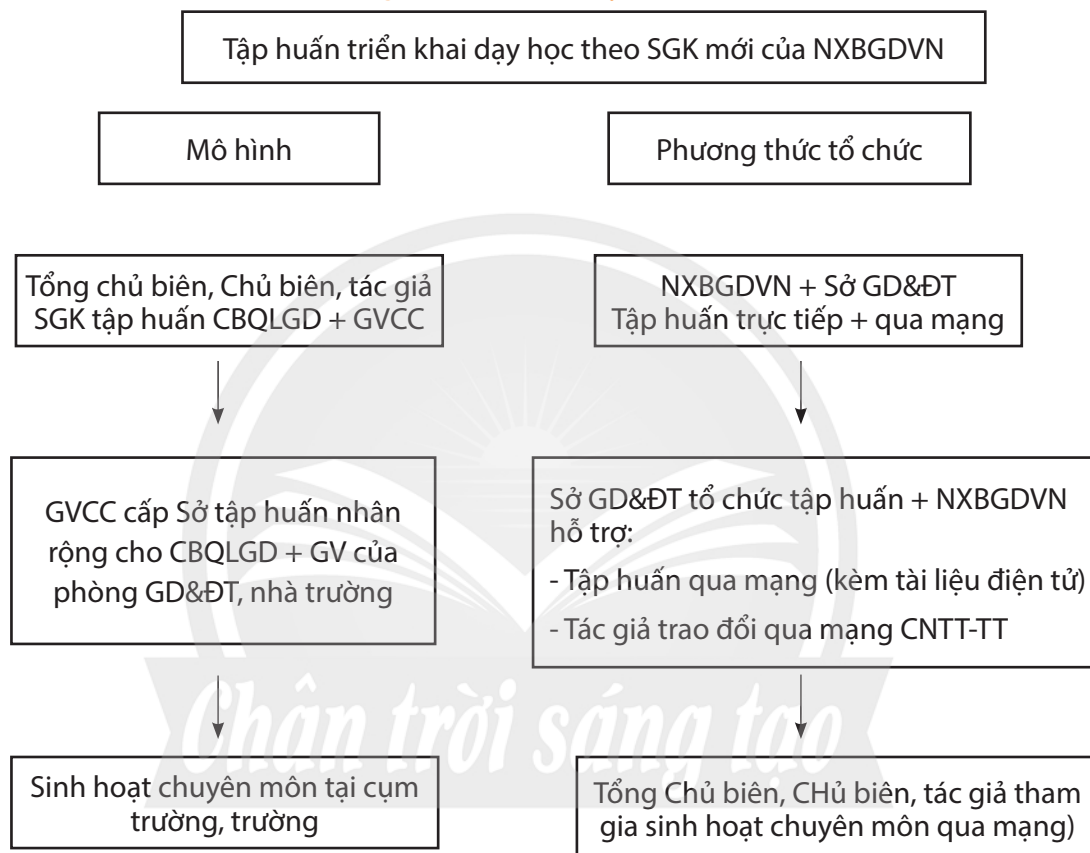
SGK *Ngữ văn 6* (bộ Chân trời sáng tạo) là sản phẩm của NXBGDVN, được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN. Vì vậy, khi sử dụng SGK này, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lí sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học,...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lí ở tất cả các trường THCS trong cả nước tham khảo. Từ đó, chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Ngữ văn lớp 6.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK *Ngữ văn 6*, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những câu chuyện, thiết kế các hoạt động trải nghiệm,... phù hợp với yêu cầu cần đạt từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (taphuan.nxbgd.vn) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 6 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

5.1.1. Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



5.1.2. Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video clip giới thiệu tổng quan bộ sách; minh họa tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.
- Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới của bộ sách Chân trời sáng tạo thuộc NXBGDVN.
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.

– Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.

– Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng giáo dục và đào tạo, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

5.1.3. Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên

– SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.

– Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.

– Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

5.2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

5.2.1. Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 6 là phiên bản điện tử của SGK lớp 6 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

– Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, video clip,...

– Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK.

– Sách bổ trợ, SGV.

– Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video clip, để kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài Elearning, giáo án, bài giảng.

– Hỏi đáp, tương tác với Chủ biên, tác giả, biên tập viên của SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN.

– Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách.

– Tự học qua mạng.

– SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan.

– SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

5.2.2. Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống.
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

5.2.3. Công nghệ

– Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại thông minh.

– Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.

- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

5.2.4. Dịch vụ hỗ trợ 24/7

– Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/ trả lời thường xuyên (Q&A).

- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.

– Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

6. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

6.1. Sơ đồ, biểu bảng

Kiến thức được lưu giữ dưới hai dạng: ngôn ngữ và hình ảnh, do vậy, sử dụng hình ảnh, sơ đồ sẽ giúp HS:

- Hiểu bài sâu hơn, nhận rõ mối quan hệ giữa các kiến thức.
- Củng cố, nhớ lâu kiến thức.
- Rèn luyện năng lực khái quát, phân tích, so sánh, phân loại vấn đề.

Có nhiều loại sơ đồ, biểu bảng:

- Sơ đồ khái quát tính cách nhân vật.
- Sơ đồ các chi tiết về nhân vật.

- Sơ đồ diễn biến tâm trạng nhân vật.
- Sơ đồ mối quan hệ giữa các nhân vật, các sự kiện.
- Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một bài học, một chương, một phần.
- Sơ đồ các yếu tố trong tác phẩm.
- Sơ đồ cấu trúc VB.
- Bảng tổng kết một chương, một học kì.
- Bảng so sánh các đơn vị kiến thức.
- ...

Khi sử dụng, cần chú ý:

- Sử dụng sơ đồ, biểu bảng khuyết (khuyết nhiều: khó, ít: dễ) kèm theo câu hỏi.
- Cho các nhóm thảo luận, điền vào sơ đồ.
- Cho các nhóm trình bày sơ đồ, chỉnh sửa, đánh giá.
- Cho sơ đồ sai, HS chỉnh sửa, sắp xếp lại (ví dụ: sơ đồ cốt truyện).

6.2. Hình ảnh

Sử dụng hình ảnh khi dạy học đọc hiểu VB văn học, GV cần chú ý:

- Không lạm dụng hình ảnh vì đặc trưng của văn chương là tính hình tượng, chất liệu là ngôn từ, có tác dụng phát huy trí tưởng tượng của người đọc.
- Chỉ sử dụng trong trường hợp: những đối tượng, sự vật xa lạ với HS để giúp HS hiểu rõ hơn hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.

6.2.3. Yêu cầu đối với phương tiện trực quan

- Phù hợp với nội dung bài học, kết quả cần đạt.
- Có tính khái quát cao: tổng kết, tóm lược được các kiến thức cơ bản (sơ đồ, biểu bảng).
- Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các yếu tố trong bài học, chương.
- Phân biệt các thông tin chính, phụ bằng màu sắc, kích cỡ của các kiểu hình, kiểu chữ, mũi tên.
- Diễn đạt ngắn gọn bằng các cụm từ, mệnh đề, kí hiệu.
- Cỡ hình, cỡ chữ đủ lớn.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

Khi lập kế hoạch dạy học môn học, các nhà quản lí và GV cần lưu ý những điểm sau:

– Một đặc điểm quan trọng của chương trình mới là các yêu cầu về năng lực đối với HS được nâng dần từ lớp 1 đến lớp 12, thể hiện qua “đường phát triển năng lực” từ thấp đến cao. Năm học 2021 – 2022, HS lớp 6 sẽ được học theo chương trình SGK mới, trong khi từ lớp 1 đến lớp 5, HS học theo chương trình hiện hành, là chương trình theo định hướng nội dung. Chương trình hiện hành không chú trọng phát triển năng lực cho HS. Điều này có nghĩa là khi bước vào lớp 6, HS có thể chưa có được những năng lực mà nếu được học chương trình mới từ bậc Tiểu học thì HS đã được hình thành và phát triển. Vì thế, khi lập kế hoạch dạy học, GV cần tìm hiểu những yêu cầu cần đạt đối với HS tiểu học, đặc biệt là lớp 3, 4, 5 mà chương trình đã đề ra để có những hướng dẫn phù hợp, sao cho HS không bị “hẫng”, bị chới với khi học chương trình lớp 6.

– Số tiết trung bình cho 10 chủ điểm/ bài học chính trong Ngữ văn 6 là 12 tiết, có một số bài 14 tiết, trong đó, số tiết dành cho hoạt động đọc chiếm khoảng 1/3 hoặc 1/2. Tuy nhiên, tùy theo khả năng tiếp nhận kiến thức của HS mà GV có thể điều chỉnh cho phù hợp.

– Đối với từng chủ điểm/ bài học: cần thực hiện đúng trình tự các hoạt động đã được thiết kế trong SGK, đó là: dạy đọc, dạy tiếng Việt, hướng dẫn HS viết ngắn/ viết đoạn, dạy viết, dạy nói – nghe.

– Đối với hoạt động viết, nói – nghe, GV có thể cho HS viết bài ở nhà, sau đó đem đến lớp chia sẻ, thảo luận trong nhóm.

– Cuối mỗi chủ điểm/ bài học, cần cho HS ôn lại kiến thức về đọc, viết, nói – nghe đã học trong mỗi chủ điểm, đồng thời trả lời câu hỏi lớn đã được nêu ra ở đầu bài học để HS có cơ hội suy ngẫm về những gì đã học, qua đó, học kĩ năng sống.

Chân trời sáng tạo

PHẦN HAI

GỢI Ý HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Mỗi bài học của *Ngữ văn 6* đều được thiết kế theo kiểu tích hợp, trong một bài bao gồm các dạng bài đọc, viết, nói và nghe. Phần dưới đây trình bày hướng dẫn tổ chức dạy học của một bài học cụ thể, bài *Vẻ đẹp quê hương*.

BÀI 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu vẻ đẹp quê hương.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở để giải thích ngắn gọn về thể loại lục bát, cách làm bài thơ lục bát, cách viết đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Trong quá trình giải thích, cần kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.

– Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi giải quyết vấn đề và một số kĩ thuật như sơ đồ, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và một số đơn vị kiến thức liên quan đến Tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu VB đọc hoặc VB mẫu khi dạy viết.
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.
- Mô hình thể thơ lục bát.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGV đã nêu hoặc dùng âm thanh, hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những gì HS đã trải qua: một ấn tượng, một kỉ niệm về quê hương hoặc yêu cầu HS đem một bức ảnh đẹp về quê hương đến lớp, chia sẻ ngắn với các bạn trong nhóm. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học để HS suy ngẫm. Câu hỏi lớn là câu hỏi gắn chủ điểm chính của bài học, bao quát chủ điểm của các VB trong bài học, đồng thời gắn với những vấn đề của đời sống, gợi ra những cuộc đối thoại mở, nhiều khi không có đáp án,... Do đó, ở bước này, GV chỉ nêu câu hỏi lớn để HS suy ngẫm, chứ không chốt đáp án. Cuối bài, trong phần *Ôn tập*, GV nêu lại câu hỏi lớn để HS tự nêu câu trả lời.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, *Tri thức đọc hiểu* cần được dạy ở tiết đầu tiên khi học *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.

GV nên trình bày một đến hai cặp câu lục bát trên bảng đen/ bảng phụ/ máy chiếu, sau đó, dùng mô hình để vừa giảng giải, vừa nêu câu hỏi giúp HS nhận biết các đặc điểm của thơ lục bát về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu.

Ví dụ:

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
lục	-	đi (bằng: thanh huyền)	-	nhớ (trắc: thanh sắc)	-	nhà (bằng: thanh huyền) (vần: a)		
bát	-	canh (bằng: thanh huyền)	-	muống (trắc: thanh sắc)	-	cà (bằng: thanh huyền) (Vần: a)	-	tương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)
lục	-	ai (Bằng: thanh huyền)	-	nắng (trắc: thanh sắc)	-	sương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)		
bát	-	ai (bằng: thanh huyền)	-	nước (trắc: thanh sắc)	-	đường (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)	-	nao (bằng: thanh huyền)

Bài ca dao này được ngắt nhịp chủ yếu là nhịp chẵn ở cả câu lục và câu bát.

2. Tri thức tiếng Việt

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB là nội dung kiến thức tiếng Việt chính của bài học này. Vì vậy, với nội dung này, GV có thể tổ chức dạy bằng các phương pháp như thuyết trình, dạy theo mẫu kết hợp với đàm thoại gợi mở để thông báo, phân tích, hướng dẫn HS rút ra những đơn vị kiến thức cơ bản như: (1) lí do phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (2) các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (3) tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Ngoài ra, trong quá trình thực hành, GV có thể tiếp tục đặt câu hỏi, nêu vấn đề để HS suy nghĩ và củng cố về những kiến thức đã học

thông qua quá trình vận dụng kiến thức vào việc giải quyết những vấn đề trong thực tiễn tiếp nhận và tạo lập VB.

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB 1, VB 2 và VB 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

GV cần đọc mẫu và tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB 1 và VB 2 để HS cảm nhận được thanh điệu, vần nhịp của thơ lục bát.

GV có thể giao cho mỗi nhóm hai câu thơ lục bát, sau đó, yêu cầu HS dùng các thẻ hoặc dùng phấn để xác định các đặc điểm về thanh điệu, vần điệu, cách ngắt nhịp của bài thơ. Ví dụ:

Ai	ơi	về	miệt	Tháp	Mười		
☐		☐		☐			
Cá	tôm	sẵn	bắt,	lúa	trời	sẵn	ăn
☐		☐		☐		☐	

Sau đó, GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

- Dựa vào những yếu tố nào để phân biệt thể thơ lục bát với các thể thơ khác?
- Khi đọc thơ lục bát cần chú ý điều gì về thanh điệu, vần điệu và cách ngắt nhịp của bài thơ?

2. Kĩ năng tưởng tượng

Trong bài học này, GV nên tập trung vào kĩ năng tưởng tượng. Lí do là vì ngôn ngữ văn học, đặc biệt là ngôn ngữ thơ, thường rất giàu hình ảnh nên để hiểu VB, người đọc thường phải hình dung, tưởng tượng để cảm nhận rõ hơn nội dung hiện thực mà tác giả muốn chuyển tải đến người đọc.

Cách dạy:

- Trước khi tổ chức cho HS đọc hiểu bài ca dao thứ nhất, GV có thể nói cho HS biết kĩ năng tiêu điểm của bài học là tưởng tượng.

- Giải thích ngắn gọn về kĩ năng tưởng tượng.

– Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kĩ năng tưởng tượng bằng cách nói to suy nghĩ (kĩ thuật think-aloud) của GV khi dùng kĩ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kĩ năng. Ví dụ: GV có thể chọn câu “Việt Nam đất nước ta ơi/ Mênh

mông biển lúa đầu trời đẹp hơn”, GV có thể đặt câu hỏi và nói: Cặp lục bát này giúp em hình dung được gì về cảnh sắc của quê hương?. “Mênh mông” là từ láy gợi liên tưởng đến không gian rộng lớn, bao la vô tận, “biển lúa” gợi ra hình ảnh cánh đồng lúa bát ngát. Từ đó, cô/thầy hình dung được phong cảnh những cánh đồng lúa quê hương trải dài đến vô tận, mở ra đến vô cùng.

– Cho một ví dụ khác. GV có thể chọn ngữ liệu từ các VB đọc trong SGK hoặc ngữ liệu khác ngoài SGK. Khi chọn ngữ liệu để dạy về kĩ năng hình dung, GV nên chọn những ngữ liệu giàu hình ảnh, gợi tả, gợi cảm. Sau đó, yêu cầu HS thực hiện theo cách mà GV đã làm một hoặc hai lần và tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng.

Ví dụ: GV có thể chọn ngữ liệu sau:

+ *Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.*

(Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*).

+ *Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

(Ca dao)

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*).

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc và trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*).

Nếu trình độ của HS yếu, GV có thể dạy kĩ năng hình dung tưởng tượng bằng cách vẽ tranh theo cách làm như sau:

– GV chọn ngữ liệu giàu hình ảnh để HS luyện tập kĩ năng tưởng tượng.

– GV mời từ hai đến bốn HS lên bảng vẽ nhanh tưởng tượng của mình từ ngữ liệu (các HS khác vẽ vào vở), sau 10 phút, GV mời HS chia sẻ bức tranh của mình và lí giải tại sao lại vẽ như vậy (dựa vào từ ngữ nào, hình ảnh nào,...).

– Sau đó, GV chốt lại cách làm, đó là để tưởng tượng, ta cần căn cứ vào: (1) các hình ảnh, ngôn từ trong VB, (2) hiểu biết, hình dung của bản thân về các hiện tượng được miêu tả trong VB. Cùng một chi tiết, hình ảnh, mỗi người sẽ có những hình dung riêng, phụ thuộc vào trải nghiệm của từng người nhưng vẫn có những điểm thống nhất, phù hợp với ý nghĩa VB.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

1. Yêu cầu cần đạt và câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	4
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	3, 5, 6, 7
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	1, 2, 5, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	8

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kĩ thuật *trình bày 1 phút*.

GV có thể sử dụng kết hợp với phương pháp trực quan bằng cách cho HS xem một số hình ảnh trong SGK hoặc một số hình ảnh khác do GV chuẩn bị có liên quan đến những địa danh được nhắc đến trong các câu ca dao để giúp HS kích hoạt nền.

GV có thể tổ chức nhanh trò chơi “Khám phá vẻ đẹp quê hương”, bằng cách chiếu hình ảnh các cảnh đẹp quê hương lên màn hình và cho HS đoán tên địa danh. Sau trò chơi, GV kết nối với câu hỏi chuẩn bị đọc “Cụm từ *Vẻ đẹp quê hương* thường khiến em nghĩ đến điều gì?”.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV đọc diễn cảm các câu thơ lục bát, hướng dẫn HS cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về vẻ đẹp quê hương. Sau đó, tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB trong nhóm hoặc trên lớp. Trong quá trình HS đọc VB, GV cần nhắc HS chú ý đến hệ thống các câu hỏi được trình bày cùng với VB.

Ví dụ như khi đọc xong bài ca dao 1, GV cho HS dừng đọc vài phút để thực hiện kĩ năng tưởng tượng theo gợi ý của câu hỏi 1: Qua dòng ca dao này, hình ảnh kinh thành Thăng Long hiện ra như thế nào trong tâm trí em? Viết ra những gì em đã tưởng tượng được. Sau đó, để kiểm tra việc thực hiện kĩ năng của HS, GV có thể cho HS trao đổi câu trả lời với nhau. Sau khi HS trình bày câu trả lời, GV có thể hỏi HS: Những từ ngữ, hình ảnh nào của dòng ca dao có thể giúp em có được tưởng tượng đó?. GV cần nhắc HS: khi đọc VB, những từ ngữ miêu tả giàu hình ảnh, gợi hình, gợi tả như “mắc cửi, bàn cờ” là những thông tin quan trọng giúp người đọc hình dung, tưởng tượng cụ thể về những điều tác giả đang miêu tả. Trong trường hợp này, với những từ ngữ như “mắc cửi, bàn cờ”, dường như tác giả dân gian có hàm ý miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, ken dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trong bàn cờ. Tuy nhiên, GV cần cân nhắc thời gian, tránh dừng quá lâu ở hoạt động này vì có thể phá vỡ mạch cảm xúc của HS trong khi đọc. Ở những bài học các VB tiếp theo, HS vẫn tiếp tục được rèn luyện kĩ năng này. Nếu các em đã thực hiện thành thạo rồi thì GV chỉ cần nhắc HS tự lưu giữ kết quả tưởng tượng về VB khi gặp những câu hỏi gợi ý ấy mà không cần phải viết câu trả lời ra giấy hoặc trao đổi kết quả tưởng tượng với nhau.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

Dựa vào hệ thống câu hỏi, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu từng bài ca dao rồi khái quát thành những vấn đề lớn của bài học như đặc điểm nội dung và hình thức của các bài ca dao trên, đặc điểm thơ lục bát, lưu ý khi đọc thơ (tìm hiểu hình ảnh thơ và tình cảm, cảm xúc của tác giả). Với hệ thống câu hỏi trên, GV có thể sử dụng linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS, cụ thể là:

– *Cách 1*: Sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 8) để tìm hiểu từng bài ca dao.

– *Cách 2*: Thiết kế lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác bằng các cách như đảo trật tự, tách, ghép một số phần câu hỏi có sẵn lại với nhau để tạo thành hệ thống mới.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để hỗ trợ HS giải quyết tốt hơn hệ thống câu hỏi trong SGK.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý:

Câu hỏi 1: Cần hướng dẫn HS cần nhận ra hai điểm đặc biệt của bài ca dao thứ nhất là: (1) 13 câu đầu: người đọc được nhân vật trữ tình dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa với niềm tự hào; (2) 5 câu cuối: sự đông đúc, nhộn nhịp của phố phường Hà Nội được gợi lên qua những từ ngữ, hình ảnh như “phồn hoa”, “phố giảng mắc cửi”, “đường quanh bàn cờ”; thể hiện tình cảm lưu luyến khi phải

xa Long Thành “Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ”. Khi dạy bài này, GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa để hiểu rõ hơn bài ca dao.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) một vẻ đẹp khác của quê hương: vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc; (2) hình thức thể hiện độc đáo của bài ca dao: lời hỏi – đáp của chàng trai và cô gái, qua đó, tác giả dân gian giới thiệu những địa danh lịch sử, gắn với với những chiến công lịch sử oanh liệt của dân tộc (chiến công ba lần đánh tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn). Từ đó, bài ca dao thể hiện niềm tự hào và tình yêu đối với quê hương, đất nước.

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) tác giả dân gian đã dùng điệp từ “có” khi giới thiệu về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên (núi, đầm, cù lao), gắn với chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng thủy chung, son sắt của người người phụ nữ, vẻ đẹp của một món ăn rất dân dã, quen thuộc với vùng đất này là canh bí đỏ nấu với nước dừa; (2) trình bày cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của Bình Định được thể hiện qua bài ca dao.

Câu hỏi 4: GV có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật phòng tranh để tổ chức cho các nhóm trả lời, trình bày và tự đánh giá lẫn nhau. Trên cơ sở đó, GV giúp HS nhận biết đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bài ca dao thứ 3:

Đặc điểm của thể thơ lục bát	Thể hiện trong bài ca dao
Số dòng thơ	4 dòng thơ (2 dòng lục, 2 dòng bát)
Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng
Vần trong các dòng thơ	Phu – cù; Xanh – anh – canh
Nhịp của từng dòng thơ	Dòng 1: 2/4; dòng 2: 4/4; dòng 3: 4/2; dòng 4: 4/4

Câu hỏi 5: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được: (1) sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho Đồng Tháp Mười, thể hiện qua điệp từ “sẵn” và hình ảnh “cá tôm sẵn bát, lúa trời sẵn ăn”; (2) niềm tự hào về sự trù phú của Đồng Tháp Mười.

Các câu 1, 2, 3, 5: GV có thể cho HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (4 đến 5 HS) để trình bày, lí giải về các câu hỏi theo cảm nhận của bản thân, qua đó nhận biết nét đặc sắc của từng bài ca dao. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng kĩ thuật mảnh ghép để tổ chức cho các nhóm HS cùng tìm hiểu về các câu hỏi 1, 2, 3, 5 để tiết kiệm thời gian của tiết học.

Câu hỏi 6: GV cho HS thảo luận để khái quát vẻ đẹp cảnh vật, con người, truyền thống được thể hiện qua bốn bài ca dao; nhận biết tình cảm yêu thương, tự hào về quê hương; chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Câu hỏi 7: GV có thể cho HS thảo luận và điền vào bảng phụ:

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

Câu hỏi 8: Cho HS tự do trình bày ý kiến của bản thân và phải giải thích được lí do thích bài nào.

VĂN BẢN 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

1. Mục tiêu dạy học và câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	1
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	2, 3, 4
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	5
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Câu hỏi 1: GV có thể cho HS chuẩn bị ở nhà, sau đó đến lớp trình bày.

Câu hỏi 2: GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc mời một HS hát một bài hát, đọc một bài thơ về quê hương.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng thêm phương pháp trò chơi hoặc kĩ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm thể thơ lục bát và một số lưu ý khi đọc thơ (đã tìm hiểu ở bài học trước).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS. Khi GV đọc, nhắc nhở HS chú ý cách ngắt nhịp và nhận xét về giọng điệu của bài thơ, từ đó hướng dẫn HS nhận ra giọng điệu ca ngợi, tự hào về quê hương của tác giả.

Khi HS đọc, lưu ý HS hết khổ thơ thứ 1, 2 và 3 thì tạm dừng vài phút để tưởng tượng về phong cảnh và con người Việt Nam cũng như liên hệ giữa những nội dung của các khổ thơ với lịch sử dân tộc. Cần cần nhắc việc có nên cho HS chia sẻ kết quả thực hiện các kĩ năng *tưởng tượng* và *liên hệ* hay không dựa trên điều kiện thời gian và khả năng thực hiện các kĩ năng của HS.

3.3. Suy ngẫm và phản hồi

Hướng dẫn HS tiếp tục nhận nhận biết đặc điểm của thể thơ lục bát và tình cảm tự hào của tác giả về đất nước được thể hiện trực tiếp qua các câu cảm thán “Việt Nam đất nước ta ơi”, “Quê hương biết mấy thân yêu” và thể hiện gián tiếp qua cách tác giả lựa chọn, khắc họa các hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam.

Hướng dẫn HS nhận diện những hình ảnh tiêu biểu mà tác giả đã lựa chọn để miêu tả đất nước, con người Việt Nam qua việc trả lời câu hỏi 2; từ đó khái quát về hai vẻ đẹp của quê hương được thể hiện qua bài thơ: *vẻ đẹp cảnh sắc* và *vẻ đẹp con người*. Đối với câu hỏi 3 và 4, GV nên hướng dẫn HS tìm những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc trong các đoạn thơ; trên cơ sở đó chỉ ra tác dụng của chúng để hình dung về những vẻ đẹp của quê hương.

Thông qua bài học này, chú ý hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý khi đọc một bài thơ lục bát:

- Chú ý đặc điểm về số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh của thơ lục bát. Trong trường hợp của bài thơ này, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS nhận ra sự biến thể của thể thơ lục bát (đặc biệt là về cách ngắt nhịp, chẳng hạn như trường hợp dòng thơ “Bao nhiêu đời/ đã chịu nhiều thương đau”, “Đạp quân thù/ xuống đất đen”,...) và mục đích của việc sử dụng những biến thể ấy để thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương.

- Chú ý tìm hiểu hệ thống hình ảnh được khắc họa trong thơ và tình cảm của tác giả được thể hiện qua bài thơ.

Câu hỏi 1: Gợi nhắc HS nhớ lại kiến thức đã học về thể thơ lục bát trong tiết thứ nhất để từ đó, xác định cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh trong bốn dòng thơ đầu bằng cách điền vào mô hình sau.

Tiếng Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>		
Bát	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>	-	<i>bằng</i>

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết: (1) những hình ảnh tiêu biểu cho đất nước và con người Việt Nam; (2) từ đó, nhận ra những vẻ đẹp của quê hương: vẻ đẹp của thiên nhiên, của những người lao động cần cù, chịu khó, của truyền thống đấu tranh bất khuất, của lòng thủy chung, sự tài hoa.

Câu hỏi 3: Để giúp HS hoàn thành câu hỏi này, GV có thể cho HS điền vào phiếu học tập sau:

	Xác định	Tác dụng
Những hình ảnh tiêu biểu		
Biện pháp tu từ		

Chú ý hướng dẫn HS phát hiện hình ảnh ẩn dụ “biển lúa”.

Câu hỏi 4: Hướng dẫn HS làm theo nhóm, điền vào phiếu học tập sau để nhận ra tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh đối với việc thể hiện nội dung:

	Vẻ đẹp của con người Việt Nam	Từ ngữ, hình ảnh thể hiện	Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy
Vẻ đẹp thứ nhất			
Vẻ đẹp thứ hai			
Vẻ đẹp thứ ba			

Cần chú ý hướng dẫn HS nhận ra những đặc điểm của con người Việt Nam: (1) vất vả, cần cù trong lao động (“mặt người vất vả in sâu”); (2) kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu (“chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”, “đạp quân thù xuống

đất đen”) nhưng rất đổi giản dị (“áo nâu nhuộm bùn”), hiền lành (“súng gươm vứt bỏ lại hiền hơn xưa”); (3) thủy chung (“yêu ai yêu trọn tấm lòng thủy chung”), khéo léo, chăm chỉ (“tay người như có phép tiên”, “trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”).

Câu hỏi 5: Có thể dùng sơ đồ sau để hướng dẫn HS nhận ra một đặc điểm của thơ là ngoài việc thể hiện tình cảm gián tiếp, tác giả còn thể hiện trực tiếp tình cảm của mình đối với sự vật, hiện tượng được miêu tả.

Từ ngữ, hình ảnh	Tình cảm của tác giả
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Câu hỏi 6: GV có thể cho HS viết một câu văn ngắn thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của các em về quê hương, sau đó cho HS trao đổi với bạn trong nhóm. Tiếp theo, GV mời một vài HS trình bày trước lớp.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:

VỀ BÀI CA DAO “ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...”

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ;
- Liên hệ, kết nối với VB Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương, Việt Nam quê hương ta để hiểu hơn về chủ điểm Vẻ đẹp quê hương.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS quan sát bức ảnh cánh đồng lúa trong SGK để chia sẻ cảm nhận của mình về bức ảnh. GV cũng có thể khuyến khích HS đọc vài câu ca dao, bài thơ, bài hát về cánh đồng lúa mà em đã biết.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS.

2.2. Suy ngẫm và phản hồi

Đây là một bài văn nghị luận văn học, trong đó, tác giả trình bày những cách hiểu khác nhau về bài ca dao *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng,...* Tuy nhiên, khi dạy bài này, GV không khai thác đặc điểm thể loại mà chỉ hướng dẫn HS nhận biết những cách hiểu của tác giả Bùi Mạnh Nhị về bài ca dao. Lí do: (1) thể loại chủ đạo của chủ điểm về đẹp quê hương là thơ lục bát; (2) HS lớp 6 chưa được học về văn nghị luận. Cần chú ý hướng dẫn HS nhận biết hai tác giả: tác giả dân gian, người viết bài ca dao và tác giả Bùi Mạnh Nhị, người viết bài văn thể hiện cảm nhận về đẹp quê hương trong bài ca dao.

Trước tiên, cho HS đọc bài ca dao (có thể được trình bày trên máy chiếu hoặc bảng phụ) và ghi ngắn gọn hoặc trình bày cảm nhận của mình về bài ca dao. Mục đích của hoạt động này là tạo cho HS cơ hội tự cảm nhận về đẹp quê hương được thể hiện qua VB, để khi đọc bài viết của Bùi Mạnh Nhị, HS hiểu rằng một VB có thể có những cách hiểu khác nhau.

Tiếp theo, cho HS đọc và tìm hiểu bài viết của Bùi Mạnh Nhị, cụ thể là:

Câu hỏi 1: Tổ chức cho HS làm việc theo cặp, tìm những hình ảnh về quê hương trong bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị cho là đặc sắc (hình ảnh cánh đồng lúa mênh mông, hình ảnh cô gái trẻ trung, duyên dáng trong ánh nắng ban mai).

Câu hỏi 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, xác định những nét độc đáo của bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chỉ ra trong từng đoạn bằng phiếu học tập sau hoặc cho HS trình bày trên bảng phụ và treo kết quả trên bảng để các nhóm so sánh:

Đoạn	Nét độc đáo của bài ca dao qua cảm nhận của tác giả Bùi Mạnh Nhị
1	Diễn tả tình yêu quê hương đất nước một cách bình dị, sâu sắc.
2	
3	
4	
5	

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả Bùi Mạnh Nhị khi đọc bài ca dao (đặc biệt là đoạn 5), từ đó nhận xét về cảm xúc của tác giả.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu kiến thức Ngữ văn.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây, GV có thể tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS.

3. Thực hành tiếng Việt

Mục đích của những bài tập từ 1 đến 4 là giúp HS vận dụng lí thuyết ở *Tri thức tiếng Việt* vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các VB đọc hiểu đã học trước đó, đồng thời ôn lại kiến thức về điệp từ, so sánh và từ láy mà HS đã học ở Tiểu học. GV có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm hoặc thi đua giữa các nhóm xem nhóm nào tìm ra câu trả lời nhanh nhất, đúng nhất.

Bài tập 1:

a. Có thể cho HS tra từ điển, tìm nghĩa của từ “phồn hoa” (gợi cảnh sống náo nhiệt, giàu có, xa hoa) và “phồn vinh” (thường được dùng để miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng), sau đó giải thích vì sao dùng từ “phồn hoa” trong câu ca dao trên là phù hợp.

b. Cho HS thảo luận để nhận biết biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao “Phổ giảng mắc củi, đường quanh bàn cờ” là so sánh nhưng đã giản lược từ thường dùng để so sánh “như”. Phép so sánh đầy đủ của câu thơ này là “Phổ giảng như mắc củi, đường quanh như bàn cờ”. Tác dụng: giúp người đọc dễ dàng hình dung tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.

c. Từ láy “ngẩn ngơ” được sử dụng trong đoạn ca dao thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngơ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.

d. Từ “bút hoa”: ý muốn nói tài năng xuất sắc của người làm nên những câu thơ này.

Bài tập 2: Trước tiên, GV cung cấp các nghĩa của từ “sẵn”: (1) ở trạng thái có thể sử dụng hoặc hành động ngay, do đã được chuẩn bị; (2) có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Sau đó, cho HS chọn lựa nghĩa nào phù hợp với câu “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”, sau đó lí giải sự phù hợp của nghĩa thứ hai với nghĩa của VB: thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên vùng Thập Mười đã hào phóng ban tặng cho con người. Biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên là điệp từ “sẵn”, có tác dụng nhấn mạnh vào tính chất trù phú, giàu có của thiên nhiên Thập Mười.

Bài tập 3: GV có thể tổ chức trò chơi cho các nhóm thi đua hoàn thành nhanh nhất bài tập này.

Bài tập 4: Hướng dẫn HS dùng phiếu học tập sau để thực hiện bài tập theo nhóm:

Từ láy	Ý nghĩa
Ngắn ngủi	Có ý diễn tả bài ca dao rất ngắn, từ đó nhấn mạnh vào đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao và giúp người đọc hình dung, liên tưởng rõ nét hơn.
Dân dã, mộc mạc	Nhấn mạnh vào sự chất phác, bình dị, mộc mạc của người dân quê, nơi thôn dã.
Tha thiết, ngọt ngào	Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao.
Thiết tha, băng khuâng, xao xuyến	Giúp người đọc hình dung rõ hơn về cảm xúc của người viết đối với bài ca dao.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kỹ năng từ việc học đọc với việc học tiếng Việt. Hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, theo các bước sau để hoàn thành bài tập này:

– Bước 1: Tìm 5 hoặc 6 hình ảnh về Việt Nam hoặc về quê hương của HS, ghi lại nguồn tìm kiếm hình ảnh.

– Bước 2: Viết đoạn văn từ 150 đến 200 chữ giới thiệu về vẻ đẹp đất nước Việt Nam hoặc vẻ đẹp quê hương em được thể hiện qua các hình ảnh đó.

Tuần tiếp theo, khi HS mang bài viết đã làm ở nhà đến lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các yêu cầu: (1) sự phù hợp của hình ảnh với đề bài; (2) sự phù hợp của đoạn văn với nội dung ảnh; (3) dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng. Sau đó, nhóm cử một HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu cho cả lớp về vẻ đẹp của địa điểm này. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng nửa tiết học. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kỹ thuật phòng tranh).

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: HOA BÌM

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Thực hành đọc

GV hướng dẫn HS đọc ở nhà, hoàn thành 3 câu hỏi. Sau đó, cho HS chia sẻ bài tập của mình trong nửa tiết, tiếp nối hoạt động chia sẻ về viết ngắn. Qua đó, GV hướng dẫn HS chốt lại những kiến thức về thể loại lục bát. Hoạt động này được tổ chức cùng thời gian với hoạt động cho HS chia sẻ bài viết ngắn.

VIẾT VĂN BẢN

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

Bước đầu biết làm bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đầu tiên, GV nêu câu hỏi: Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao? Từ đó dẫn dắt vào việc tìm hiểu thế nào là bài thơ hay trong mục *Tri thức về kiểu bài*.

Sau đó, GV yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm thể thơ lục bát, trên cơ sở đó, dẫn dắt vào việc sáng tác một bài thơ lục bát.

3. Phân tích kiểu văn bản

Có thể tiến hành theo hai cách:

Cách 1:

- GV trình bày bài *Chăn trâu đốt lửa* lên bảng hoặc màn hình máy tính, lần lượt nêu các câu hỏi hướng dẫn HS nhận biết;
- Vần, nhịp, thanh điệu của bài thơ;
- Cách kể, cách tả và thể hiện cảm xúc của nhà thơ.

Cách 2:

- Mời một nhà thơ chia sẻ với HS cách sáng tác một bài thơ lục bát hoặc xem video clip một nhà thơ nói về hoàn cảnh, cảm hứng sáng tác, ... bài thơ của họ.
- Sau đó, GV yêu cầu HS nêu bài học rút ra về cách làm thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: GV nên giao đề tài cho HS trước khi đến lớp để HS suy ngẫm.

Sau đó, mời một vài HS chia sẻ đề tài mà mình định viết (bước 1).

Bước 2: Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về bài thơ sẽ viết:

1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên đã để lại cho tôi cảm xúc sâu sắc là
2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu tôi là.....
3. Tôi viết điều này ra để

Bước 3: Hướng dẫn HS dùng bảng trong SGK để điền các từ ngữ, hình ảnh đã có trong phiếu học tập trên vào bảng. Yêu cầu HS viết tối thiểu một cặp gồm hai câu thơ lục bát.

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài thơ của mình, sau đó cho 2 HS chia sẻ với nhau, giúp nhau hoàn thiện bài thơ dựa trên bảng kiểm.

Lưu ý: Không yêu cầu HS làm bài thơ hay, chỉ yêu cầu đúng luật.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

– Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

– Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nên giảng giải ngắn về kiểu bài hoặc yêu cầu HS thảo luận, điền vào bảng sau:

Đặc điểm kiểu đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát

	Hình thức	Nội dung
Đặc điểm		

3. Phân tích kiểu văn bản

GV hướng dẫn HS quan sát VB trong SGK và thảo luận theo hệ thống câu hỏi gợi ý sau:

– Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không? Dựa vào đâu em có thể xác định được?

– Xác định phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn của đoạn văn.

– Nội dung câu mở đoạn là gì?

– Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày nội dung gì? Những nội dung đó được người viết trình bày bằng những từ ngữ, câu văn nào trong đoạn?

– Nội dung của câu kết đoạn là gì?

– Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không? Cơ sở nào để em khẳng định điều đó?

– Từ những nội dung vừa tìm hiểu, em hãy rút ra đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát.

Tiếp theo, cho HS đọc đoạn văn lần hai, trả lời các câu hỏi để hiểu rõ hơn đặc điểm của đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

Trước 1 tuần, GV cho HS chọn bài thơ lục bát mà em yêu thích và muốn viết và dựa vào những hướng dẫn trong SGK để xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hướng dẫn HS thực hiện các bước trong mục tìm ý, sau đó, dùng phiếu học tập sau để lập dàn ý:

Mở đoạn	Tên bài thơ, tên tác giả.....
	Cảm xúc chung về bài thơ.....
Thân đoạn	Cảm xúc thứ nhất..... Bằng chứng
	Cảm xúc thứ hai..... Bằng chứng
	Khẳng định lại cảm xúc.....
	Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân
Kết đoạn	

Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết đoạn

GV nhắc HS khi viết bài, cần bám vào dàn ý, đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Tổ chức thực hiện bước này theo quy trình sau:

- Yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.
- Đổi bài với bạn cùng nhóm để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Việc chia sẻ đoạn văn sẽ được thực hiện trong giờ nói và nghe.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Thực hành nói và nghe

Sử dụng biện pháp động não, yêu cầu HS liệt kê những yếu tố làm nên một bài nói hấp dẫn, thu hút người nghe. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu HS mục tiêu của bài học.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Cho HS 2 phút để trả lời các câu hỏi:

- Yêu cầu của đề tài là gì?
- Người nghe của tôi có thể là ai?
- Mục đích nói của tôi là gì?
- Tôi sẽ nói trong không gian nào?
- Tôi có khoảng bao nhiêu thời gian để nói?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

GV yêu cầu HS:

- Đọc lại đoạn văn đã viết.
- Xác định các ý.
- Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi cụm từ chính.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Hướng dẫn mỗi HS luyện tập trình bày bài nói của mình dựa trên những gợi ý trong SGK. Trong quá trình HS luyện tập, GV có thể quan sát, lắng nghe và góp ý cho bài trình bày của các em, nhưng tất cả những góp ý chỉ nên mang tính khơi gợi, tránh áp đặt, “can thiệp” sâu vào việc thể hiện ý tưởng của các em và góp ý trên tinh thần khuyến khích, khen ngợi các em. Trong quá trình quan sát HS, GV nên tránh làm các em mất tự nhiên, khiến các em có tâm lí e ngại với việc trình bày bằng lời nói.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Thành lập nhóm đôi, cho hai em trình bày bài nói cho nhau nghe và góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Sau đó, mời một HS trình bày bài nói cho cả lớp nghe.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự làm các bài tập trong mục ôn tập. Trong lớp học, GV tổ chức cho HS trình bày các bài tập đã làm.

Cuối giờ, GV nêu lại câu hỏi lớn ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài ý trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.

Chân trời sáng tạo

PHẦN BA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ SÁCH BỔ TRỢ

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV gồm 2 tập.

Tập một trình bày những nội dung sau:

Phần 1: Những vấn đề chung

Phần 2: Hướng dẫn tổ chức dạy học (từ bài 1 đến bài 5)

Phần 1: Những vấn đề chung, trình bày cơ sở của việc biên soạn SGK; các quan điểm giáo dục hiện đại nói chung và quan điểm về dạy đọc, viết, nói và nghe nói riêng. Sách cũng giúp GV hiểu rõ những điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 6*, đó là: cách tiếp cận tích hợp về kĩ năng, về nội dung; đặc điểm của những tri thức được đưa vào SGK; đặc điểm của các nhiệm vụ học tập về đọc, viết, nói, nghe; cấu trúc sách và cấu trúc từng bài.

Nội dung trọng tâm của Phần 1 là *phương pháp, biện pháp dạy học* nhằm phát triển phẩm chất, năng lực chuyên biệt, bao gồm nhóm phương pháp dạy đọc hiểu VB, nhóm phương pháp dạy viết và dạy nói – nghe. Mục này cung cấp cho GV cách thức hướng dẫn HS từng bước kiến tạo kiến thức, thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực hiện các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Mục *Phương tiện dạy học* và *Phương pháp kiểm tra* đánh giá năng lực HS giúp GV hiểu thêm những phương tiện dạy học cơ bản có thể sử dụng trong dạy học Ngữ văn cũng như mục tiêu, căn cứ, nội dung và cách đánh giá năng lực của HS.

Phần 2, sách trình bày *Hướng dẫn, gợi ý tổ chức dạy học các bài học*. Những hướng dẫn này là sự triển khai cụ thể của các phương pháp, biện pháp và phương tiện dạy học đã được trình bày trong Phần 1. Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm ba mục lớn *Yêu cầu cần đạt*, *Phương pháp, phương tiện dạy học* và *Tổ chức các hoạt động học*.

Ở *Yêu cầu cần đạt*, sách trình bày rõ những yêu cầu mà HS cần đạt sau khi học xong bài học. Những yêu cầu này được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực mà CTGDPT môn Ngữ văn và CTGDPT tổng thể (Bộ GD & ĐT, 2018) đã xác định.

Ở mục *Phương pháp, phương tiện dạy học*, sách giới thiệu những phương pháp và phương tiện dạy học mà GV có thể sử dụng để dạy bài học.

Ở mục *Tổ chức các hoạt động học*, sách tập trung đề xuất cách tổ chức các hoạt động dạy học cho các bài học (bài 1 đến bài 5), từ cách giới thiệu bài mới đến cách hướng dẫn học sinh đọc, viết, nói nghe nhằm đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực. Mỗi hoạt động dạy học được tổ chức nhằm giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực chung cũng như năng lực chuyên biệt mà chương trình đã đặt ra.

Tập hai, sách trình bày hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học từ bài 6 đến bài 10.

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV là nguồn tài liệu quan trọng giúp GV hiểu được các quan điểm dạy học hiện đại, tinh thần của SGK mới, các phương pháp, phương tiện dạy học và cách đánh giá năng lực HS, đồng thời là tài liệu hướng dẫn GV cách dạy các bài cụ thể. Tuy nhiên, GV cần có những điều chỉnh về cách dạy phù hợp với tình hình thực tế của lớp học, trình độ HS, điều kiện vật chất của trường.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BỐ TRỢ/ SÁCH THAM KHẢO CỦA NXB GDVN

2.1. Cấu trúc sách

Sách bài tập thiết kế thành từng bài, mỗi bài gồm 2 phần:

Phần 1: Bài tập

Phần 2: Hướng dẫn làm bài tập

Phần 1 của mỗi bài trình bày các bài tập cho 10 bài học gắn với 10 thể loại đọc hiểu:

<i>Lắng nghe lịch sử nước mình</i>	TRUYỆN THUYẾT	<i>Điểm tựa tinh thần</i>	TRUYỆN
<i>Miền cổ tích</i>	CỔ TÍCH	<i>Gia đình thương yêu</i>	THƠ
<i>Vẻ đẹp quê hương</i>	THƠ (LỤC BÁT)	<i>Những góc nhìn cuộc sống</i>	VB NGHỊ LUẬN
<i>Những trải nghiệm trong đời</i>	ĐỒNG THOẠI	<i>Nuôi dưỡng tâm hồn</i>	TRUYỆN
<i>Trò chuyện cùng thiên nhiên</i>	HỒI KÍ	<i>Mẹ Thiên Nhiên</i>	VB THÔNG TIN

Các bài tập trong cuốn sách này bám sát các yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói – nghe mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra đối với HS lớp 6, nhằm giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VB, viết, nói và nghe theo các kiểu bài và thực hành tiếng Việt. Trình tự các bài tập được trình bày trong mỗi chủ điểm cũng tương thích với trình tự các chủ điểm trong SGK.

Các bài tập trong từng chủ điểm/ bài học được cấu trúc tương ứng với các hoạt động của từng chủ điểm/ bài học trong SGK.

Trong Phần 2 của mỗi bài, sách đưa ra định hướng trả lời cho những câu hỏi khó để HS có thể tự kiểm tra mức độ đúng, sai cho các câu trả lời của bản thân.

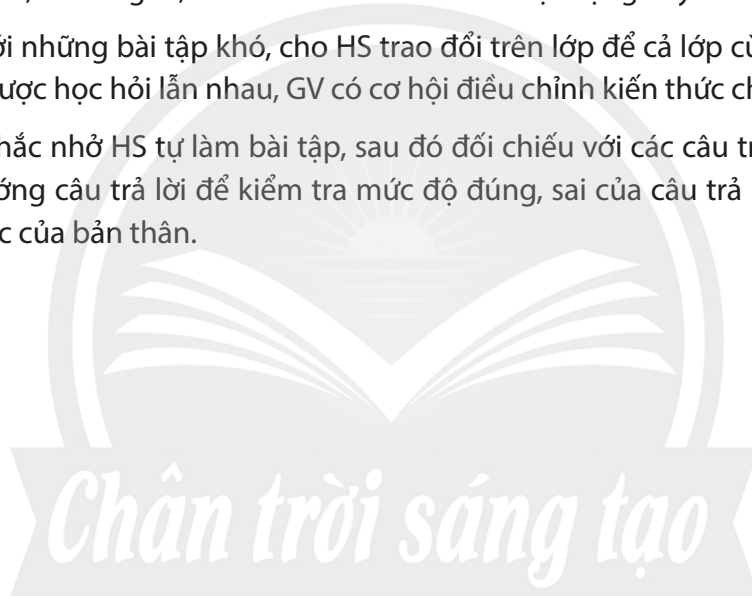
2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bài tập, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa

Để sử dụng sách bài tập hiệu quả, GV chú ý:

– Mỗi chủ điểm/ bài học trong SGK gồm các hoạt động đọc, tiếng Việt, viết, nói – nghe và kéo dài trong khoảng 3 tuần. Vì thế, sau khi HS học xong phần đọc, GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập nằm trong mục đọc, tiếp theo, thực hiện các bài tập về viết, nói – nghe, sau khi hoàn thành các hoạt động này trên lớp.

– Với những bài tập khó, cho HS trao đổi trên lớp để cả lớp cùng giải quyết, qua đó, HS được học hỏi lẫn nhau, GV có cơ hội điều chỉnh kiến thức cho HS.

– Nhắc nhở HS tự làm bài tập, sau đó đối chiếu với các câu trả lời trong Phần 2, định hướng câu trả lời để kiểm tra mức độ đúng, sai của câu trả lời là tự điều chỉnh kiến thức của bản thân.



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

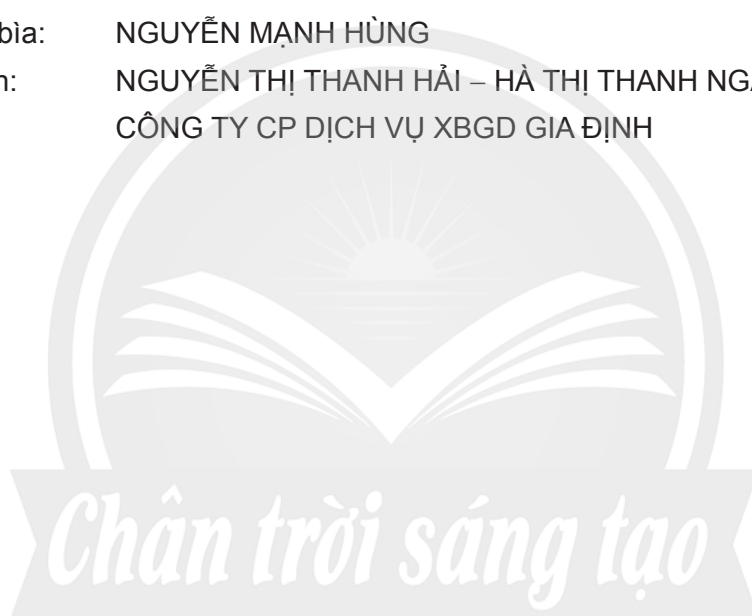
Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ THANH HẢI – HÀ THỊ THANH NGÀ

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ THANH HẢI – HÀ THỊ THANH NGÀ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH



Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

- Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu
- Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN –
NGỮ VĂN 6 – BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: